

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2021

THÔNG BÁO

Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội

Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội trân trọng thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như sau:

1. Thời gian tổ chức: 07h30 ngày 15 tháng 4 năm 2021

- Thời gian đón tiếp và kiểm tra tư cách cổ đông: Từ 07h30 đến 08h00

2. Địa điểm: Phòng họp số 2, tầng 5, phòng 503, 130 Lê Duẩn, Hà Nội.

3. Nội dung chính tại Đại hội:

- Báo cáo tình hình hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.

- Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty; tự đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát và các kiểm soát viên.

- Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán và phương án phân chia lợi nhuận năm 2020.

- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, các dự án năm 2021, kế hoạch cổ tức năm 2021.

- Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.

- Thông qua Tờ trình mức thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021.

- Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

- Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty.

4. Thành phần và điều kiện tham dự:

Cổ đông của Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội.

Trong trường hợp không thể tham dự Đại hội, cổ đông có thể ủy quyền cho tổ chức/cá nhân khác đủ điều kiện dự họp thay (theo mẫu gửi kèm Giấy mời họp).

Khi đến tham dự Đại hội, đề nghị Quý cổ đông vui lòng mang theo: CMND hoặc Hộ chiếu hoặc CCCD, giấy CNĐKDN, Giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền).

Quý cổ đông vui lòng xác nhận tham dự theo mẫu gửi kèm giấy mời họp hoặc gửi thư, điện thoại, fax trước ngày 10/4/2021 theo địa chỉ:

Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội - Số 130 Lê Duẩn, Hai Bà Trưng, Hà Nội - Điện thoại: 04.39421117/Fax: 04.38224736

Thông báo này thay cho Giấy mời họp trong trường hợp Quý Cổ đông chưa nhận được Giấy mời họp.

Ban Tổ chức trân trọng thông báo và kính mời!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Hội đồng quản trị Công ty;
- Ban Tổng Giám đốc Cty;
- Ban kiểm soát Công ty;
- ĐU, CĐ, ĐTN Cty và CQ;
- Các phòng CMNV;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT, NS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Văn Hoan

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI

Thời gian 7h30 ngày 15 tháng 4 năm 2021

Địa điểm: Phòng họp số 2, tầng 5, phòng 503, Nhà 130 Lê Duẩn, TP Hà Nội

7h30 - 8h00	<ul style="list-style-type: none">- Đón tiếp đại biểu và cổ đông.- Kiểm tra tư cách cổ đông.
8h00 - 8h30	<ul style="list-style-type: none">- Chào cờ, tuyên bố lý do và giới thiệu Đại biểu.- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.- Hướng dẫn nguyên tắc và thể lệ biểu quyết tại Đại hội (<i>Hướng dẫn thông qua bằng Thẻ biểu quyết</i>).- Bầu đoàn Chủ tọa (<i>Thông qua số lượng, Danh sách bằng Thẻ biểu quyết</i>).- Chủ tọa cử Ban thư ký và bầu Ban kiểm phiếu (<i>Thông qua số lượng, Danh sách Ban kiểm phiếu bằng Thẻ biểu quyết</i>).- Chủ tọa công bố chương trình Đại hội và Quy chế tổ chức của Đại hội (<i>Thông qua chương trình Đại hội và Quy chế tổ chức Đại hội bằng Thẻ biểu quyết</i>)
8h30 - 9h00	<ul style="list-style-type: none">- Bầu Thành viên HĐQT và thành viên BKS- Trình bày và biểu quyết thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS. (<i>thông qua bằng Thẻ biểu quyết</i>)- Trình bày danh sách ứng cử viên đủ tiêu chuẩn tham gia HĐQT và BKS theo các hồ sơ đề cử/ứng cử mà các Cổ đông đã gửi về Công ty (<i>Thông qua bằng Thẻ biểu quyết</i>).- Tiến hành bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2021 - 2026- Kiểm phiếu bầu cử.

9h00 -10h00	<p>Trình bày các Báo cáo, tờ trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tình hình hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị và từng thành viên HĐQT. - Báo cáo của Ban Kiểm soát về: kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc Công ty; tự đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát. - Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của BKS công ty. - Tờ trình thông qua nội dung sửa đổi bổ sung Điều Lệ và Quy chế hoạt động của HĐQT công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. - Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 - Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh, các dự án năm 2021, kế hoạch cổ tức năm 2021. - Tờ trình về phương án và mức trả thù lao, lương, thưởng cho HĐQT, BKS năm 2021
10h00 - 10h45	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận và biểu quyết thông qua các Báo cáo, Tờ trình đã trình bày tại Đại hội, bằng Phiếu biểu quyết. - Kiểm Phiếu biểu quyết.
10h45 - 11h15	<ul style="list-style-type: none"> - Công bố kết quả kiểm Phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS - Giải lao và tiệc trà <i>(HĐQT và BKS họp bầu Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS)</i>
11h15 - 11h30	<ul style="list-style-type: none"> - Công bố kết quả kiểm Phiếu biểu quyết - Báo cáo kết quả bầu Chủ tịch HĐQT của HĐQT và bầu Trưởng BKS của BKS
11h30 - 12h00	<ul style="list-style-type: none"> - Ban Thư ký đọc Dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội <i>(thông qua Biên bản Đại hội bằng thẻ biểu quyết)</i> <i>(thông qua Nghị quyết Đại hội bằng Thẻ biểu quyết)</i>
	<ul style="list-style-type: none"> - Chào cờ và Bế mạc Đại hội.

QUY CHẾ
BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2021 - 2026 TẠI CUỘC HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2021

Điều 1. Mục tiêu

1. Đảm bảo tuân thủ pháp luật và các thông lệ tại Việt Nam;
2. Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả các cổ đông;
3. Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được bầu
Số lượng thành viên HĐQT được bầu là năm (05) thành viên, số lượng Kiểm soát viên được bầu là ba (03) Kiểm soát viên.

Điều 3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên là 05 năm (2021 - 2026). Thành viên của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 4. Quyền đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị:
 - a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 15% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
 - c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
 - d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
 - đ) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử năm (05) ứng viên;
2. Kiểm soát viên:
 - a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 15% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

Điều 5. Tiêu chuẩn trở thành Thành viên Hội đồng quản trị

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; của người quản lý tại Tổng công ty ĐSVN, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Tổng công ty ĐSVN.

Điều 6. Tiêu chuẩn trở thành kiểm soát viên

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Có bằng tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

4. Không phải là người quản lý Công ty ; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

Điều 7. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

1. Đơn xin đề cử (ứng cử) tham gia Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát (theo mẫu).

2. Sơ yếu lý lịch (có dán ảnh).

3. Bản sao có công chứng CMND/Hộ chiếu, các văn bằng, chứng chỉ.

4. Các giấy tờ có liên quan khác (nếu có).

Hồ sơ đề cử/ứng cử HĐQT, KSV phải gửi về Công ty trước ngày 12/4/2021.

Điều 8. Nguyên tắc bầu cử

1. Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị/Kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu với hình thức bỏ phiếu kín tại Đại hội.

2. Phương thức bầu dồn phiếu: Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu/đại diện ủy quyền nhân (x) với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị/Kiểm soát viên và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Điều 9. Quy định phiếu bầu cử

1. Phiếu bầu hợp lệ:

- a) Phiếu do Ban tổ chức Đại hội phát ra theo mẫu thống nhất có đóng dấu treo của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội, không cao, sửa, tẩy, xóa;
- b) Phiếu bầu cho những người trong danh sách bầu cử đã được Đại hội thông qua;
- c) Tổng số quyền cổ đông bầu cho các ứng cử viên bằng hoặc nhỏ hơn tổng số quyền biểu quyết của cổ đông.

2. Phiếu bầu không hợp lệ:

- a) Phiếu bầu không do Ban tổ chức Đại hội phát hành;
- b) Phiếu bầu nhiều hơn số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đã được Đại hội thông qua;
- c) Tổng số quyền biểu quyết của cổ đông bầu cho tất cả ứng cử viên lớn hơn tổng số quyền biểu quyết của cổ đông;
- d) Cổ đông gạch tên ứng cử viên hoặc ghi thêm tên người khác vào danh sách;
- đ) Điểm bầu ghi bằng %.

3. Phiếu trắng: Phiếu không bỏ cho ứng viên nào.

Điều 10. Điều kiện trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

1. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên là người có số phiếu bầu cử hợp lệ tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định.

2. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

3. Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử chỉ được xem xét ngay tại Đại hội, cổ đông không được phản đối tính hợp lệ này bất kỳ lúc nào khác. Trường hợp có bất đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban kiểm phiếu kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy chế này được đọc trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông trước khi tiến hành bầu cử./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội (sau đây gọi tắt là Công ty).

2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các Điều, khoản tại Quy chế này.

**Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông

1. Điều kiện tham dự

Cổ đông là đại diện pháp nhân, thể nhân sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông được quyền tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần.

2. Quyền của các cổ đông hợp lệ đủ điều kiện khi tham dự Đại hội:

a) Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

b) Được uỷ quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;

c) Ban tổ chức Đại hội sẽ thông báo công khai toàn bộ nội dung chương trình Đại hội. Tất cả cổ đông đủ điều kiện được tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện uỷ quyền của mình. Tất cả các ý kiến tham gia đều được thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông;

d) Tại Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nhận một Thẻ biểu quyết, một Phiếu biểu quyết (ghi mã số cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của mình). Giá trị

biểu quyết của Thẻ/Phiếu biểu quyết mà cổ đông, đại diện cổ đông đó nắm giữ tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội;

đ) Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết;

e) Các cổ đông có quyền đưa ra ý kiến của mình về các nội dung của Đại hội tại phần thảo luận bằng cách giơ tay phát biểu hoặc ghi câu hỏi ra giấy;

f) Cổ đông hoặc đại diện cổ đông đến sau khi cuộc họp đã được khai mạc có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dùng Đại hội để cổ đông đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

3. Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông khi tham dự Đại hội

a) Tham gia hoặc ủy quyền tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Công ty và thực hiện quyền biểu quyết;

b) Tuân thủ các quy định tại Quy chế này;

c) Các cổ đông hay đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp phải mang theo Thư mời họp, CMND/ Thẻ căn cước công dân/ Hộ chiếu/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ khác tương đương. Giấy ủy quyền, Thư mời họp của cổ đông ủy quyền (nếu là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông) để xuất trình cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông khi đăng ký tham dự và phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội theo quy định.

d) Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Công ty đề cử. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội, nhận giấy tờ cổ đông đến họp; Phát các tài liệu, Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký

1. Ban tổ chức Đại hội đề cử Đoàn chủ tọa để Đại hội thông qua. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty làm chủ tọa Đại hội, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa Đại hội.

2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao.

3. Chủ tọa Đại hội tiến hành các công việc mà họ thấy là cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác cho Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

a) Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp;

b) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ

2. Ban thư ký :

Ban thư ký do Chủ tọa Đại hội cử thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

Chủ tọa Đại hội sẽ đề cử các thành viên Ban kiểm phiếu gồm ba (03) người và tổ chức lấy ý kiến thông qua tại Đại hội. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông và đại diện cổ đông; Tổ chức kiểm phiếu; Lập biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội. Mọi công việc kiểm tra, lập Biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu làm việc trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Chương III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông/đại diện cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được mời dự họp.

Điều 8. Cách thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung do Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trình bày.

2. Đại hội đồng cổ đông sẽ được tổ chức một buổi (chính thức)

a) Biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết khi Chủ tọa đề nghị biểu quyết thông qua các vấn đề sau:

- Nguyên tắc và thể lệ biểu quyết.
- Bầu Đoàn Chủ tọa, Ban Kiểm phiếu.
- Chương trình Đại hội.
- Quy chế tổ chức Đại hội.
- Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- Biên bản, Nghị quyết Đại hội.
- Thông qua các nội dung khác thuộc thẩm quyền Đại hội trong trường

hợp không dùng Phiếu Biểu quyết (nếu có).

b) Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết khi Chủ tọa đề nghị biểu quyết thông qua các vấn đề sau:

- Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh của Công ty năm 2020 và định hướng kinh doanh năm 2021.
- Báo cáo của Ban Kiểm soát về: kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc Công ty; tự đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, Quy chế quản trị Công ty.
- Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán và Phương án phân chia lợi nhuận năm 2020.
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2021.
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.
- Mức thù lao, lương, thưởng cho HĐQT, BKS 2021.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Chương IV

KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 9. Thông qua quyết định của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các Quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; tổ chức lại, giải thể Công ty, thanh lý Công ty; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; thay đổi ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh; dự án đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty được thông qua khi có từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông đối với các vấn đề khác được thông qua khi có từ trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 10. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông


Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được thư ký Đại hội ghi vào biên bản Đại hội. Biên bản Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Việc gửi Biên bản Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên Website của Công ty.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 5 Chương 11 Điều, có hiệu lực thi hành kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Hoan

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2021

**NGUYÊN TẮC VÀ THỂ LỆ BIỂU QUYẾT
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021**

Việc biểu quyết, kiểm phiếu thông qua các Báo cáo, Tờ trình, Nghị quyết và các nội dung họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội (sau đây gọi tắt là Công ty) theo quy tắc và thể lệ sau đây:

1. Biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết khi Đoàn Chủ tọa đề nghị biểu quyết thông qua các vấn đề sau:

- Nguyên tắc và thể lệ biểu quyết;
- Bầu Đoàn Chủ tọa, Ban Kiểm phiếu;
- Chương trình Đại hội;
- Quy chế tổ chức Đại hội;
- Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Biên bản, Nghị quyết Đại hội.
- Thông qua các nội dung khác thuộc thẩm quyền Đại hội trong trường hợp không dùng Phiếu Biểu quyết (nếu có).

2. Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết khi Đoàn chủ tọa đề nghị biểu quyết thông qua các vấn đề sau:

- Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2020.
 - Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc và tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và các kiểm soát viên.
 - Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán và Phương án phân chia lợi nhuận năm 2020.
 - Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2021.
 - Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.
 - Mức thù lao, lương, thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát 2021.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

3. Thẻ/Phiếu biểu quyết là Thẻ/Phiếu in sẵn, theo mẫu của Công ty và có đóng dấu treo của Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội, được phát cho cổ đông khi tham dự Đại hội.

4. Để thuận lợi và nhanh chóng trong công tác kiểm phiếu, Đại hội sử dụng tờ Thẻ/Phiếu biểu quyết được in sẵn trong đó có các thông tin: mã đại biểu tham dự, số phiếu biểu quyết 01 cổ phần sở hữu/đại diện tương ứng 01 phiếu biểu quyết). Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông được ủy quyền được phát 01 (một) Phiếu biểu quyết và 01 (một) Thẻ biểu quyết. Việc thu và kiểm Thẻ/ Phiếu biểu quyết do Ban Kiểm phiếu thực hiện.

5. Kết quả biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến là tổng số cổ phần sở hữu được tổng cộng từ các tờ Thẻ/ Phiếu biểu quyết tương ứng.

6. Quy định về Thẻ/ Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

Các Thẻ/Phiếu biểu quyết có một trong những yếu tố sau đây là Thẻ/Phiếu không hợp lệ:

- Không do Ban Tổ chức phát hành theo mẫu quy định;
- Rách, không còn nguyên vẹn hoặc không còn đủ các thông tin phục vụ cho việc kiểm phiếu;
- Để trống không ghi ý kiến hoặc lựa chọn đồng thời hai phương án trở lên.

Nguyên tắc, thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua./.



Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần vận tải Đường sắt Hà Nội (HARACO) báo cáo tới Quý cổ đông kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020 và đề xuất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Phần I. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

I. Đặc điểm tình hình:

Năm 2020, Công ty bị ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid-19 và việc thi công dự án nâng cấp hạ tầng đường sắt gói 7.000 tỷ đồng của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Có những giai đoạn thực hiện công tác giãn cách xã hội, khiến hoạt động vận tải hành khách gặp rất nhiều khó khăn, cắt giảm, dừng chạy các đoàn tàu khách, nhu cầu di chuyển, du lịch giảm mạnh.

Trong bối cảnh có nhiều khó khăn chưa có tiền lệ, toàn Công ty thực hiện nhiều giải pháp linh hoạt trong SXKD, đã đẩy mạnh SXKD vận tải hàng hóa, có một số chỉ tiêu SXKD hàng hóa có mức tăng trưởng cao so với năm 2019; từng bước thu hút hành khách trở lại đi tàu; đảm bảo an toàn các mặt; tiết giảm chi phí hợp lý, giảm mức lỗ kế hoạch; tiếp tục có sự cải thiện trong công tác quản trị doanh nghiệp; công tác quản lý vận dụng toa xe có sự tiến bộ.

II. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

1. Biểu tổng hợp các chỉ tiêu kinh doanh thực hiện năm 2020:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ
01	Tổng tài sản - Tại 31/12/2019	Triệu đồng		1.619.051,407	
02	Vốn góp của CSH - Tại 31/12/2019	Triệu đồng	800.589,700	800.589,700	100%
03	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.636,600	1.957,371	119,6%
04	Tổng chi phí	Triệu đồng	1.972,026	2.153,520	109,2%
05	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	- 335.426	- 196.149	58,48%

06	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	- 335.426	- 196.149	58,48%
07	Tỷ lệ trả cổ tức	%	-	-	-
08	Tổng số lao động bình quân	Người	3.862	3.661	94,8%
09	Lương bình quân/người/tháng	Triệu đồng Người/tháng	7,047	7,624	108,19%

2. Biểu tổng hợp các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh vận tải thực hiện năm 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ so sánh (%)	
					TH/KH	CKỳ 2019
Tấn xếp HH	Tấn	3.603.669	3.016.100	3.646.422	120,90%	101,19%
Tấn.Km HH	1.000T.Km	2.046.934	1.838.700	2.167.473	117,88%	105,89%
HK lên tàu	HK	4.460.579	1.933.500	2.080.165	107,59%	46,63%
HK.Km	1.000HK.Km	1.537.041	660.900	720.922	109,08%	46,90%
Tấn xếp HL	Tấn	27.683	16.700	25.507	152,74%	92,14%
Tấn.Km HL	1.000T.Km	20.165	13.300	25.086	188,62%	124,40%
Tấn.Km TĐ	1.000T.Km	3.604.017	2.512.900	2.913.482	115,94%	80,84%
Tổng D.Thu	Tr đồng	2.254.659,86	1.368.100,00	1.631.107,33	119,22%	72,34%
D.Thu HH	Tr.đồng	882.463,47	782.400,00	978.062,33	125,01%	110,83%
D.Thu HK	Tr.đồng	1.340.928,28	567.000,00	624.454,15	110,13%	46,57%
D.Thu HL	Tr.đồng	28.971,70	16.700,00	28.193,43	168,82%	97,31%
Thu khác	Tr.đồng	2.296,41	2.000,00	397,42	19,87%	17,31%
<i>Suất thu HH BQ</i>	<i>Đ/tấn.Km</i>	<i>431,11</i>	<i>425,52</i>	<i>422,18</i>	<i>99,22%</i>	<i>97,93%</i>
<i>Suất thu HK BQ</i>	<i>Đ/HK.Km</i>	<i>891,26</i>	<i>857,92</i>	<i>969,93</i>	<i>113,06%</i>	<i>108,83%</i>

III. Các giải pháp chỉ đạo, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của của HĐQT Công ty.

1. Công tác sản xuất kinh doanh vận tải:

a) Về vận tải hành khách:

Một số giải pháp đã được HĐQT Công ty triển khai thực hiện nhằm giữ vững sản lượng, doanh thu vận tải hành khách:

- Đã thực hiện các phương án tổ chức chạy tàu khách phù hợp tình hình dịch bệnh Covid-19 như tạm ngừng chạy tàu, chạy chung ram tàu với Công ty CP VTĐS Sài Gòn, lựa chọn những cung chặng ngắn có nhu cầu vận chuyển hành khách cao...

- Tổ chức phòng và chống dịch Covid-19 trên tàu, dưới ga tốt nên đã không có hành khách, người lao động nào trong Công ty bị lây nhiễm virus Covid-19.

- Tổ chức vận chuyển miễn phí hàng cứu trợ các tổ chức ủng hộ đồng bào lũ lụt tại khu vực miền Trung trên các chuyến tàu khách, đã được xã hội ghi nhận

và đánh giá rất cao.

- Công ty đã cải tạo thêm 44 xe khách (đưa vào vận dụng phục vụ Tết Canh tý 2020) nâng tổng số xe cải tạo đóng mới là 134 xe, từ đó nâng cao chất lượng phương tiện phục vụ hành khách.

b) Về vận tải hàng hoá:

Một số biện pháp cụ thể để điều hành SXKD vận tải hàng hoá như sau:

- Duy trì ổn định việc vận chuyển các mặt hàng truyền thống như: vật liệu xây dựng, phân bón ... Tàu chuyên tuyến duy trì 18 đôi/tuần; trong đó, đôi tàu nhanh HH9/10 được duy trì hàng ngày.

- Đã tìm kiếm và khai thác các luồng hàng mới như: Xi quặng Xuân Giao, Kính Ninh Bình, Sữa Cầu Giát,...

- Tổ chức điều phối, vận hành toa xe tốt, dẫn đến thời gian quay vòng toa xe giảm 0,6 ngày (Năm 2020: 7,51 ngày; Năm 2019: 8,11 ngày). Toa xe vận dụng bình quân năm 2020 giảm so với năm 2019, nhưng sản lượng, doanh thu hàng hoá tăng hơn so với năm 2019.

- Doanh thu dịch vụ đầu cuối, tổ chức vận chuyển từ kho đến kho dự kiến đạt 194.2 tỷ (vượt 43,9% so với kế hoạch ĐHCĐ, tăng 24,4% so với năm 2019).

2. Công tác quản lý đầu tư:

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện nghiêm các quy định, thủ tục về đầu tư theo đúng quy định của pháp luật và đảm bảo tiến độ thi công các dự án. Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2020, Công ty có 17 danh mục dự án đầu tư đã được thông qua ĐHCĐ thường niên. Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, Hội đồng quản trị Công ty đã triển khai cho phép chuẩn bị đầu tư (bước lập báo cáo KTKT) đối với 08 dự án với tổng mức đầu tư là 6 tỷ 799 triệu đồng. Còn lại 09 danh mục dự án với tổng mức đầu tư dự kiến là 333 tỷ 976 triệu đồng tạm giãn tiến độ triển khai vào thời điểm thích hợp.

3. Công tác quản trị doanh nghiệp:

3.1. Sắp xếp tinh giản tổ chức, lao động để nâng cao hiệu quả doanh nghiệp:

Tổ chức của Công ty trong năm 2020 không có biến động lớn. Năm 2020 thực hiện chuyển đổi trụ sở của Chi nhánh vận tải đường sắt Huế về thành phố Đồng Hới (tên gọi, chức năng, nhiệm vụ vẫn giữ nguyên).

Giải quyết tốt việc sắp xếp, bố trí lao động trong điều kiện thu hẹp sản xuất do Covid-19 dẫn đến thiếu việc làm. Số lao động thực tế sử dụng bình quân là 3.661 người, bằng 94,8 % lao động kế hoạch năm 2020. Lương bình quân năm 2020 là

7,624 triệu đồng/người/tháng, bằng 92,33% so với năm 2019.

Để giảm bớt khó khăn cho người lao động bị ảnh hưởng của dịch Covid-19, Công ty đã chi trả tiền lương cho người lao động trong những ngày phải ngừng việc, hoặc nghỉ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền (để cách ly), tổng kinh phí 9 tỷ đồng. Ngoài ra Công ty đã vận động cán bộ công nhân viên quyền góp ủng hộ và trích từ nguồn quỹ xã hội của Công ty để hỗ trợ cho người lao động bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 và lũ lụt, tổng kinh phí 569,5 triệu đồng (trong đó 468,5 triệu đồng do CBCNV đóng góp, 101 triệu đồng trích từ nguồn quỹ xã hội của Công ty).

3.2. Về sửa đổi, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ:

Đã tiến hành rà soát danh mục các quy chế, quy định hiện có, phê duyệt kế hoạch sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Trong năm 2020 đã tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới 07 Quy chế, quy định (trong đó xây dựng mới: 05, sửa đổi bổ sung: 02).

Hiện tại hệ thống quy chế, quy định của Công ty gồm: 127 Quy chế, quy định.

3.3. Công tác kiểm soát chi phí và giám sát tài chính:

Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo Ban điều hành siết chặt công tác kiểm soát chi phí, quản lý Tài chính của Công ty đảm bảo được một số yêu cầu:

- Quản lý và sử dụng các nguồn vốn theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo đủ nguồn vốn để phục vụ sản xuất mang lại hiệu quả cho Công ty.

- Hoạt động tài chính của Công ty luôn được phản ánh trung thực và hợp lý, tình hình tài chính của Công ty cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Công tác xử lý công nợ, trích khấu hao, sửa chữa lớn TSCĐ và các nội dung liên quan để lập báo cáo tài chính năm 2020 đúng thời gian quy định đảm bảo không có ngoại trừ.

- Chỉ đạo và giám sát việc: thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí hợp lý, phấn đấu giảm tối đa số tiền lỗ trong kế hoạch SXKD năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua; xây dựng danh mục vị trí việc làm trong toàn Công ty; điều chỉnh những quy định quản lý nội bộ của Công ty, đảm bảo sự linh hoạt trong điều hành sản xuất kinh doanh.

IV. Hoạt động của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị:

1. Hoạt động của HĐQT và các thành viên HĐQT theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty:

Hoạt động của HĐQT được điều chỉnh bởi: Điều lệ tổ chức hoạt động đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Quy chế quản lý Người đại diện phần vốn góp của

Tổng Công ty ĐSVN đầu tư vào doanh nghiệp khác số 239/QĐ-ĐS ngày 01/4/2020 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam (ĐSVN), Quy chế quản trị Công ty số 74/QĐ-HĐQT ngày 23/4/2018, Quy chế làm việc giữa HĐQT và Tổng giám đốc Công ty số 270/QĐ-HĐQT ngày 04/12/2017, Phân công nhiệm vụ Hội đồng quản trị (HĐQT) ban hành kèm theo Quyết định số 190/QĐ-HĐQT ngày 12/12/2018.

Hoạt động của HĐQT luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động và các quy định nội bộ của Công ty. Các thành viên HĐQT được phân công nhiệm vụ cụ thể và được điều chỉnh kịp thời căn cứ vào tình hình thực tế tại Công ty. HĐQT luôn chịu sự lãnh đạo của Đảng ủy Công ty, thực hiện đúng sự phân định chức năng nhiệm vụ với Ban điều hành.

HĐQT căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, triển khai giao nhiệm vụ cho Ban Điều hành, các đơn vị, bộ phận triển khai thực hiện các mặt công tác vận tải hàng hoá, hành khách, an toàn vận tải, đầu tư, quản lý tài chính,...; thường xuyên giám sát và kiểm tra trong quá trình thực hiện kế hoạch đã phê duyệt.

Từ đầu năm 2020, HĐQT đã xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình kế hoạch công tác và kế hoạch kiểm tra, giám sát; đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Hầu hết các nội dung công việc trong kế hoạch đề ra đã được thực hiện. HĐQT Công ty đã ban hành Nghị quyết số 03-20/NQ-HĐQT ngày 09/3/2020 về triển khai các giải pháp cấp bách ứng phó với dịch Covid-19; Nghị quyết số 05-20/NQ-HĐQT ngày 15/4/2020 về triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh quý II/2020 và Nghị quyết số 08-20/NQ-HĐQT ngày 11/8/2020 về trọng tâm công tác sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm 2020.

Trong năm HĐQT đã có 10 cuộc họp, đã ban hành 08 Nghị quyết và 187 Quyết định, công văn; tất các Quyết định của HĐQT đã được thể hiện bằng văn bản để triển khai thực hiện. HĐQT thường xuyên thực hiện tốt việc công bố thông tin định kỳ cũng như các thông tin bất thường cho các cổ đông theo quy định của Pháp luật.

2. Mức lương của các thành viên HĐQT năm 2020:

TT	Họ và tên TV HĐQT	Chức danh	Số tháng	Mức lương thực hiện 2020 (Đồng)	Quỹ tiền lương TH 2020 (Đồng)
1	Đỗ Văn Hoan	Chủ tịch	12	21.713.452	260.561.418
2	Nguyễn Việt Hiệp	Thành viên	12	20.126.240	241.514.876
3	Nguyễn Tiến Hiệp	Thành viên	12	18.635.599	223.627.184
4	Lê Minh Tuấn	Thành viên	12	18.628.219	223.538.627
5	Tạ Văn Thanh	Thành viên	12	17.457.791	209.493.494

3. Công tác giám sát đối với Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý :

Thực hiện Quyết định số 193/QĐ-HĐQT ngày 27/11/2019 của Hội đồng quản trị Công ty về việc ban hành Quy chế Kiểm tra giám sát của Hội đồng quản trị. Năm 2020, HĐQT đã thành lập Đoàn kiểm tra giám sát của HĐQT Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội kèm theo Quyết định số 138/QĐ-HĐQT ngày 26/10/2020; Đoàn kiểm tra đã tiến hành làm việc tại các Chi nhánh: VTĐS Vinh, Toa xe Vinh. Qua quá trình kiểm tra, giám sát, Đoàn kiểm tra đã phát hiện ra những tồn tại của các đơn vị và báo cáo HĐQT xem xét, có biện pháp chấn chỉnh kịp thời.

Phần II. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021.

Đại dịch Covid-19 hoành hành trong cả năm 2020 và bùng phát vào cuối tháng 01/2021 đã ảnh hưởng xấu đến tình hình SXKD của Công ty, đặc biệt là làm sụt giảm sản lượng vận tải hành khách dịp cao điểm Tết Tân Sửu và Hè 2021 và tạo ra những biến động khó lường trong các mặt hoạt động của Công ty; mặt khác năm 2021 là dịp cao điểm thi công Dự án nâng cấp kết cấu hạ tầng đường sắt tuyến Bắc – Nam sẽ làm giảm sút năng lực chạy tàu trên tuyến này. Tuy vậy, vận tải hàng hoá đường sắt vẫn có cơ hội thu hút những luồng hàng lớn, nhu cầu vận tải tàu chuyên tuyến, vận tải từ kho đến kho, chuyển phát nhanh vẫn đang có xu thế phát triển.

I. Nhiệm vụ trọng tâm:

Căn cứ tình hình, Hội đồng quản trị Công ty đề ra các chỉ tiêu và nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2021 như sau:

1. Các chỉ tiêu kinh doanh năm 2021:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	So sánh 2021/2020
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	800.590	800.590	100,0%
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.957,371	1.644,143	84,0%
3	Tổng chi phí	Triệu đồng	2.153,520	1.836,968	85,3%
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	- 196.149	- 192.825	
	- Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	- 196.149	- 192.825	
5	Tổng số lao động	Người	3.661	3.398	92,8%
6	Tiền lương bình quân/người/tháng	Triệu đồng	7,624	7,047	92,4%

2. Một số nhiệm vụ trọng tâm:

2.1. Nâng cao hiệu quả kinh doanh vận tải hàng hóa, tập trung vào: tổ chức khai thác các đoàn tàu chuyên tuyến, các sản phẩm của Tổng công ty hóa chất VN; tiếp tục thực hiện chủ trương phát triển dịch vụ từ kho đến kho, tổ chức vận tải hợp lý, hiệu quả để giảm thời gian quay vòng toa xe, tăng hiệu quả sử dụng toa xe hàng.

Tiếp tục phát triển dịch vụ vận chuyển hành lý từ nhà – nhà trên phần mềm Harapost. Tổ chức chạy tàu khách hợp lý trên các tuyến, các cung chặng có lợi thế; nâng cao tỷ trọng các dịch vụ vận chuyển hành khách trọn gói. Tăng cường liên doanh liên kết để tạo ra những sản phẩm mới. Ưu tiên đầu tư các trang thiết bị phục vụ vận tải, thúc đẩy việc xã hội hóa trong công tác đầu tư phương tiện vận tải.

2.2. Nghiêm túc thực hiện Kế hoạch số 07-KH/ĐU ngày 11/01/2021 của BTV Đảng ủy Công ty về việc thực hiện Chỉ thị số 01-CT/ĐU của BTV Đảng ủy Tổng Công ty ĐSVN. Thực hiện đồng bộ các giải pháp đảm bảo an toàn để kiểm chế và giảm dần những nguy cơ gây mất an toàn chạy tàu; khắc phục những sự cố chạy tàu có tính chất nghiêm trọng do chủ quan mang tính lặp lại.

2.3. Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, tăng cường khả năng thích ứng trước các biến động với trọng tâm: tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ; tinh giản tổ chức bộ máy các Chi nhánh Vận tải, Toa xe và nhân lực trong toàn Công ty cho phù hợp với quy mô sản xuất kinh doanh; thực hiện trả lương theo vị trí việc làm trong toàn Công ty; xác định và triển khai thực hiện định hướng về công tác nghiên cứu phát triển thị trường; làm tốt công tác đào tạo lực lượng lao động hiện có; khắc phục những tồn tại trong công tác quản lý dự án đầu tư và công tác kiểm tra giám sát chất lượng phục vụ hành khách, chủ hàng.

Công tác quản trị kế hoạch, đầu tư, tài chính, tổ chức, lao động luôn bám sát diễn biến sản xuất kinh doanh trong bối cảnh tình hình có nhiều diễn biến bất thường (đặc biệt là do dịch Covid-19 gây ra) để: thực hiện đồng bộ các giải pháp tiết kiệm chi phí hợp lý - nhất là chi phí sửa chữa toa xe, chi phí sử dụng nhiên liệu và chi phí về lao động; quản lý tốt dòng tiền trong hoạt động SXKD, kiểm soát chặt chẽ dòng tiền trả khách hàng và các khoản nợ.

Tiếp tục đề xuất để Nhà nước hỗ trợ Công ty về: giảm thuế, giãn nợ, giảm phí sử dụng kết cấu hạ tầng trong thời gian chịu ảnh hưởng, tác động của những khó khăn do dịch Covid – 19 và dự án nâng cấp kết cấu hạ tầng đường sắt Bắc – Nam gây ra,....

II. Một số giải pháp:

1. Sản xuất kinh doanh vận tải:

Từ đầu năm, xây dựng các kịch bản kinh doanh vận tải, trong đó phải quan tâm đến những biến động bởi các yếu tố ảnh hưởng, như: dịch bệnh Covid-19, Dự án nâng cấp kết cấu hạ tầng đường sắt trên tuyến đường sắt Bắc – Nam, thời tiết ...Tập trung khai thác những tuyến, khu đoạn có luồng hàng, luồng khách đang kinh doanh có hiệu quả, ưu tiên đẩy mạnh kinh doanh vận tải hàng hóa. Duy trì những sản phẩm truyền thống, đang kinh doanh tốt, đồng thời chú trọng phát triển

phân khúc thị trường và những sản phẩm mới, có tiềm năng hoặc mang lại giá trị gia tăng cao.

Quan tâm đầu tư phù hợp để từng bước chuyên nghiệp hóa công tác tiếp thị, truyền thông, quảng cáo các sản phẩm dịch vụ và công tác chăm sóc khách hàng. Tập trung khai thác các ứng dụng trên website, fanpages, các phần mềm ứng dụng quản lý hiện có; đồng thời mở rộng liên kết với các đối tác để nâng cao hiệu quả của công tác này.

Tiếp tục triển khai các giải pháp đồng bộ nâng cao chất lượng dịch vụ hành khách, dịch vụ hai đầu trong vận tải hàng hóa.

Tiếp tục xây dựng và thực hiện chính sách giá cước linh hoạt và đẩy mạnh các chương trình khuyến mãi, chú trọng chất lượng dịch vụ hậu mãi.

Thường xuyên phân tích đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu KTKT, rà soát kết cấu chi phí, hợp lý hóa sản xuất, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các đơn vị, bộ phận trong Công ty để giảm giá thành, giá cước vận tải.

Chủ động phối hợp với các Công ty vận tải đường sắt Sài Gòn, Ratraco để tổ chức quay chung ram xe tàu hàng nhanh; xây dựng hành trình chạy tàu mới phù hợp với nhu cầu của thị trường và phương tiện vận tải hiện có của mỗi Công ty (tổ chức ghép toa, ghép tàu để khai thác hiệu quả từng mác tàu của các Công ty).

1.1. Về SXKD vận tải hành khách:

- Tập trung phát triển mạnh về vận tải hành khách nội địa, nhất là trong các dịp lễ hội và dịp Hè, Tết; theo dõi và sẵn sàng khai thác luồng khách du lịch nước ngoài khi dịch bệnh được khống chế. Mở rộng liên kết với các đơn vị kinh doanh du lịch chuyên nghiệp để phát triển sản phẩm du lịch trọn gói cho các tập thể.

- Thực hiện khai thác các ram xe tàu Thống nhất và Khu đoạn hợp lý trong đó ưu tiên sử dụng các toa xe khách đóng mới, chất lượng cao; ngoài các đôi tàu chính, tổ chức chạy thêm các đôi tàu khu đoạn vào các dịp nghỉ Lễ, Tết, Hè,... Linh hoạt điều chỉnh biểu đồ chạy tàu cho phù hợp với tiến độ thi công dự án nâng cấp cải tạo hạ tầng trên tuyến đường sắt Bắc – Nam.

- Tiếp tục xây dựng và điều chỉnh chính sách giá vé, phương án cắt chặng bán vé phù hợp với cự ly đường sắt có lợi thế. Chủ động theo dõi, điều chỉnh tăng, giảm giá vé kịp thời phù hợp với yêu cầu thị trường.

- Tăng cường mở thêm các Đại lý bán vé, tăng cường việc hợp tác mở rộng các hình thức bán vé, thanh toán qua ứng dụng, qua Web ... Tiếp tục tìm kiếm, mở rộng các đối tác tham gia ký kết hợp đồng khai thác nguyên toa trên các tuyến đường sắt.

- Mở rộng khai thác hành lý, hàng hóa nổi theo tàu khách đặc biệt là trong các mùa thấp điểm các tàu còn chiều dài để tận thu. Chuyên nghiệp hóa dịch vụ vận chuyển theo phương thức từ nhà đến nhà (Harapost) góp phần đa dạng hóa các sản phẩm vận tải của Công ty, tận dụng nguồn nhân lực, phương tiện tăng hiệu quả kinh doanh nâng cao sản lượng vận tải.

- Chủ động tổ chức chạy tàu an sinh trên các tuyến đảm bảo hiệu quả kinh doanh của Công ty sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.2. Về SXKD vận tải hàng hóa:

- Tiếp tục tổ chức khai thác các luồng hàng truyền thống đang vận chuyển như: tàu hàng chuyên tuyến, LVQT, Phân bón, Vật liệu xây dựng, lương thực thực phẩm ... tìm kiếm, khai thác thêm các luồng hàng mới, khách hàng mới để tăng sản lượng doanh thu. Tập trung khai thác hàng hóa LVQT – đặc biệt là luồng hàng: Hải Phòng – Lao Cai – Vân Nam; Hà Nội – Đồng Đăng – Nam Ninh.

- Duy trì và mở rộng kinh doanh đoàn tàu chuyên tuyến chở container chạy nhanh trên tuyến Bắc Nam (HH 9/10T). Đẩy mạnh hình thức vận tải từ kho đến kho, lấy giá trị gia tăng việc vận chuyển từ kho-kho để bù đắp các chi phí như việc chăm sóc khách hàng, gia tăng mối quan hệ bạn hàng kết nối vận chuyển cũng như việc bố trí nhân lực dồi dào vào dây chuyền hỗ trợ vận tải; phát triển các dịch vụ đầu cuối trên các luồng, tuyến và sản phẩm vận tải khác để tăng tính cạnh tranh nhằm nâng cao thị phần vận tải.

- Chủ động điều hành giá cước linh hoạt theo từng tuyến, từng thời điểm, từng chủng loại xe. Điều tra giá cước các phương tiện khác, cập nhật sự biến động giá nhiên liệu, nhu cầu vận chuyển của khách hàng để điều hành giá cước hiệu quả.

- Tổ chức điều hành vận dụng toa xe hàng hiệu quả, điều rỗng toa xe hợp lý, hạn chế điều rỗng vượt tuyến. Đôn đốc dỡ hàng, kiên quyết thu đủ tiền đóng dỡ toa xe do chủ quan của khách hàng gây ra để giảm thời gian quay vòng toa xe, tăng hiệu quả toa xe vận dụng.

- Đảm bảo an toàn thương vụ hàng hóa, thường xuyên kiểm tra việc xếp hàng, đặc biệt hàng rời, nghiêm cấm xếp bội tải, gian lận thương mại. Phối hợp tốt giữa các bộ phận đơn vị giải quyết nhanh các sự cố về vận tải hàng hoá, phân tích, xử lý các trường hợp khi phát hiện.

2. Công tác quản lý đầu tư:

- Đổi mới phương pháp xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch sửa chữa định kỳ toa xe để đạt được mục tiêu giảm chi phí. Bám sát tình hình kinh doanh để xây dựng Kế hoạch sửa chữa định kỳ năm 2021 – ưu tiên sửa chữa những

chủng loại toa xe phù hợp với nhu cầu vận tải, cấp đủ số lượng và chủng loại toa xe phục vụ vận tải. Tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch thanh lý, đầu tư, cải tạo toa xe giai đoạn 2021 – 2023 theo đúng các quy định của Nhà nước về niên hạn sử dụng toa xe. Tiếp tục thực hiện các giải pháp để tiết kiệm chi phí, nhất là chi phí sửa chữa toa xe, sử dụng nhiên liệu.

- Tập trung nâng cao chất lượng tham mưu quản lý công tác kế hoạch chi phí, đầu tư, mua sắm vật tư tại cơ quan và các đơn vị cơ sở đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả. Việc lập và tổ chức thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2021 phải quan tâm đến tác động toàn cầu của dịch bệnh COVID-19 và bối cảnh toàn Ngành tiếp tục thực hiện các dự án 7.000 tỷ nâng cấp kết cấu hạ tầng đường sắt trên tuyến Bắc – Nam; chú trọng đến việc phát triển kinh doanh vận tải hàng hóa.

3. Công tác quản trị doanh nghiệp:

3.1. Tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

- Rà soát, sắp xếp tinh gọn tổ chức của Công ty và các chi nhánh.

- Triển khai xây dựng kế hoạch lao động, tiền lương, bảo hộ lao động, giáo dục đào tạo... năm 2021 theo hướng tiếp tục giảm lao động khối vận tải, bổ sung lao động sửa chữa toa xe và lao động cơ khí. Hoàn thành việc xây dựng Danh mục vị trí việc làm trong toàn Công ty, sửa đổi hoàn thiện thang bảng lương của Công ty theo vị trí việc làm, thực hiện trả lương theo vị trí việc làm – trước hết là ở Cơ quan Công ty và Cơ quan các Chi nhánh trực thuộc.

3.2. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn SXKD của Công ty, trong đó nghiên cứu tham mưu việc sửa đổi, xây dựng các Quy chế, cơ chế phù hợp với tình hình thực tế và quy định của Pháp luật; Triển khai phổ biến các Thông tư, Nghị định hướng dẫn về Luật Đường sắt, Luật Đấu thầu, Luật Bảo hiểm, Luật Lao động, Luật Doanh nghiệp,... để từng CBCNV hiểu rõ và thực hiện, tham mưu hiệu quả; Thường xuyên bồi dưỡng nâng cao đội ngũ cán bộ làm công tác chuyên môn nghiệp vụ, tham mưu các quy định quản lý nội bộ của Công ty; Kiện toàn nhân sự để nâng cao năng lực của bộ phận Pháp chế và bộ phận nghiên cứu phát triển thị trường của Công ty.

3.3. Quản lý chặt chẽ công tác thu chi tài chính, sử dụng các nguồn vốn theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo đủ nguồn vốn để phục vụ sản xuất mang lại hiệu quả cho Công ty. Thực hiện các giải pháp huy động nguồn vốn để đầu tư, cải tạo nâng cấp các chủng loại phương tiện vận tải phù hợp, các thiết bị phục vụ xếp dỡ hai đầu, kho – ke – bãi hàng.

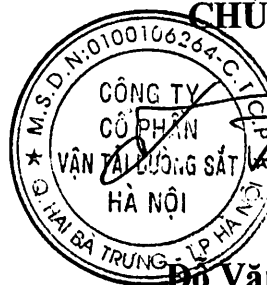
3.4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty - tập trung vào việc sử dụng thông tin trong hệ thống bán vé điện tử để làm tốt công tác chăm sóc khách hàng, hành chính điện tử, thống nhất sử dụng phần mềm trong quản lý vật tư và các nghiệp vụ quản lý khác trong toàn Công ty.

3.5. Kịp thời và quyết liệt trong tổ chức thực hiện công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông vận tải đường sắt. Tập trung: rà soát, đồng bộ các văn bản nghiệp vụ liên quan đến công tác đảm bảo ATVT ở Công ty và các đơn vị; nâng cao chất lượng kiểm tra giám sát nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, giữ vững ANTT, an toàn PCCN, phòng chống gian lận thương mại.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và một số mục tiêu giải pháp thực hiện năm 2021. Hội đồng quản trị cùng Ban điều hành và toàn thể người lao động trong Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội đã và sẽ nỗ lực hết mình nhanh chóng triển khai các hoạt động cụ thể nhằm hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2021. Chúng tôi mong muốn sẽ tiếp tục nhận được sự tin tưởng của các quý vị cổ đông trong thời gian tới.

Trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Văn Hoan

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ CÁC KIỂM SOÁT VIÊN**

Kính thưa Quý vị Cổ đông!

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát;
- Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán VACO;
- Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2020.

Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động trong năm 2020 của Công ty cổ phần VTĐS Hà Nội như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

1. Các công tác đã thực hiện năm 2020:

- Nhân sự của BKS có 03 Kiểm soát viên, trong đó Trưởng BKS chuyên trách và 02 Kiểm soát viên kiêm nhiệm. Trên cơ sở quyền và nhiệm vụ đã quy định tại Điều lệ công ty Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty năm 2020, cụ thể:
 - + Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong năm 2020.
 - + Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 15/6/2020.
 - + Thẩm tra các báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời phối hợp với Công ty kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính, giám sát việc thực thi những kiến nghị do Công ty kiểm toán độc lập đưa ra.
 - + Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật

- Trong năm 2020 Ban Kiểm soát đã tham gia các đoàn kiểm tra về công tác thực hiện các mặt sản xuất kinh doanh tại các đơn vị trực thuộc, công tác phục vụ vận chuyển hành khách, hàng hoá tại các ga và trên tàu theo các chương trình kế hoạch và đột xuất. Thực hiện tốt công tác phân tích các chỉ tiêu đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh, thời gian quay vòng toa xe, chi phí điều hành giao thông vận tải và các chi phí liên quan. Giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm năm 2020, các kịch bản điều hành SXKD cho phù hợp với tình hình ảnh hưởng của dịch COVID-19, thẩm định xây dựng giá cước vận chuyển hàng hóa hành khách, công tác tinh giản lao động theo nghị quyết của HĐQT, công tác quản trị văn phòng công ty.

- Trong năm 2020 Ban kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp định kỳ và các thành viên đã tham gia đầy đủ.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của điều lệ Công ty về thẩm quyền của BKS.

Đánh giá năm 2020: Trên cơ sở Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của BKS, các Kiểm soát viên đều làm việc tích cực với tinh thần trách nhiệm, đóng góp các ý kiến quan trọng, phối hợp tốt với HĐQT, Tổng giám đốc để hoàn thành nhiệm vụ được phân công.

2. Công tác phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc và các cô đồng:

Năm 2020 Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thể hiện:

+ Ban kiểm soát đã được mời tham dự đầy đủ, tham gia ý kiến tại cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị Công ty.

+ Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ về các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến công tác quản lý điều hành hoạt động của Công ty.

+ Ban kiểm soát được cung cấp theo yêu cầu các thông tin tài liệu liên quan đến hoạt động, tình hình tài chính của Công ty.

3. Kế hoạch định hướng năm 2021

- Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo các quy định của pháp luật và Công ty (Luật Doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế quản trị của Công ty; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát);

- Năm 2021 vẫn là năm tiếp tục khó khăn đối với Công ty khi dịch COVID chưa giảm Ban kiểm soát sẽ chú trọng giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, công tác mua sắm vật tư phụ tùng sửa chữa toa xe và thực hiện các dự án đầu tư của Công ty.

- Giám sát việc sửa đổi bổ sung các quy chế cho phù hợp với thực tiễn và yêu cầu SXKD năm 2021, các định mức kinh tế kỹ thuật để làm căn cứ kiểm soát.

- Giám sát thực hiện công tác rà soát, sắp xếp, bố trí sử dụng lao động và trả lương theo vị trí công việc trong toàn công ty nhằm nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả kinh doanh.

II. THỰC HIỆN CHỨC NĂNG GIÁM SÁT:

1. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm (và bất thường) theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị cũng đã thông qua nhiều quyết định với hình thức xin ý kiến bằng văn bản. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định của pháp luật và Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm;

- Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty. Trong năm 2020 do thực hiện Chỉ thị 15/CT-TTg ngày 27/3/2020 của Thủ tướng chính phủ về quyết liệt thực hiện đợt cao điểm phòng chống dịch COVID-19 nên đã chuyển thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông công ty vào tháng 6/2020. Hội đồng quản trị đã quyết định những vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Công ty như sau:

+ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua các báo cáo kết quả SXKD doanh năm 2019, phương hướng năm 2020;

+ Nghị quyết về điều chỉnh thông tin cổ phần phổ thông hạn chế chuyển nhượng;

+ Nghị quyết về tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;

+ Nghị quyết về triển khai các giải pháp cấp bách ứng phó với dịch COVID-19;

+ Nghị quyết về việc tạm dừng tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;

+ Nghị quyết về triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh quý II/2020;

+ Nghị quyết về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;

+ Nghị quyết về việc bổ sung nội dung xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;

+ Nghị quyết về việc trọng tâm công tác sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm 2020;

HĐQT đã họp 10 cuộc họp và ra 187 quyết định, văn bản thông báo, báo cáo khác về công tác chỉ đạo các mặt sản xuất của Công ty.

- HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT đã phối hợp cùng với Ban điều hành chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty để cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được thông qua trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 15/6/2020.

- Các công tác khác theo chức năng và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG TỔNG GIÁM ĐỐC

- Về kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: Trong năm 2020 tình hình SXKD của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng nặng nề của dịch COVID-19, bão lụt nghiêm trọng tại các tỉnh miền Trung và việc thi công Dự án nâng cấp cơ sở hạ tầng đường sắt trên tuyến Bắc-Nam. Tổng doanh thu chỉ bằng 75,44% so với năm 2019 nhưng đạt 119,59% so với kế hoạch và đã giảm lỗ 139,2 tỷ so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua. Công ty thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với người lao động, tiền lương bình quân hàng tháng đạt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra. Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ nghị quyết của Hội đồng quản trị và có nhiều giải pháp để ứng biến với ảnh hưởng của dịch COVID-19, rà soát điều chỉnh phương án cân đối kế hoạch thu-chi năm 2020, xây dựng các giải pháp tăng thu giảm chi, tiết kiệm các chi phí trong sửa chữa toa xe, rà soát các dự án đầu tư để đảm bảo tiến độ thực hiện... đồng thời chủ động đề xuất để Nhà nước hỗ trợ Công ty về giảm thuế, giãn nợ, giảm phí sử dụng kết cấu hạ tầng.

- Về công tác tài chính kế toán: Tổng giám đốc đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, kế toán, thuế; hoàn thành BCTC, BC kiểm toán đúng thời hạn quy định; công bố thông tin đúng thời hạn; làm tốt công tác quản trị tài chính tại các đơn vị. Mặc dù doanh thu sụt giảm nhưng Công ty vẫn chủ động trong cân đối nguồn vốn đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh và vận dụng hiệu quả dòng tiền.

- Về công tác đầu tư:

+ Công ty đã hoàn thành các dự án: cải tạo nâng cấp 44 toa xe khách, máy móc trang thiết bị xưởng giặt là, ky thủy lực 50 tấn là các dự án chuyển tiếp sang năm 2020 và 9 dự án có tổng mức đầu tư dưới 1 tỷ đồng.

+ Các dự án khác đang tiếp tục thực hiện: đóng mới 100 toa xe hàng, máy nén khí kiểu trục vít, nâng cấp hệ thống hành chính điện tử EGOV của Công ty và hoãn tiến độ nhiều dự án đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

- Về công tác tổ chức nhân sự: Tổng giám đốc thực hiện đúng theo phương án sử dụng lao động đã được HĐQT phê duyệt và tập trung thực hiện việc xây dựng danh mục vị trí việc làm trong toàn Công ty, đã thực hiện chế độ chính sách hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do dịch bệnh, do lũ lụt gây ra.

3. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

3.1 Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành;

- Các Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán VACO là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết;

- Ban kiểm soát đánh giá Báo cáo tài chính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020 được kiểm toán đã phản ánh một cách đầy đủ, trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm 2020, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.

3.2 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD chủ yếu trong năm 2020 như sau:

Nội dung	Đvt	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	TH/KH
Tổng doanh thu	Tr.đ	2.594.572,90	1.636.600	1.957.371,3	119,59%
Lợi nhuận TT	Tr.đ	13.892,52	-335.426	-196.148,99	58,47%
Lợi nhuậnST	Tr.đ	13.892,52	-335.426	-196.148,99	58,47%
Tổng số lao động bình quân	Người	3936	3862	3661	94,8%
Tiền lương bình quân/người/tháng	Tr.đ	8,257	7,046900	7,624	108%

Căn cứ vào bảng tổng hợp trên các chỉ tiêu của kế hoạch SXKD là hoàn thành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 và đã giảm lỗ 139,2 tỷ.

3.3 Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020

3.3.1 Các chỉ tiêu phân tích tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
1. Cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	66,25	71,68
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	33,74	28,32
2. Cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	62,61	66,86
- Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	37,38	33,13
3. Khả năng thanh toán			

Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,99	0,79
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,12	0,99
4. Tỷ suất sinh lời			
Lợi nhuận TT/Doanh thu thuần	%	0,54	-0,1
Lợi nhuận TT/Vốn chủ sở hữu	%	1,89	-0,3
Lợi nhuận ST/Doanh thu thuần	%	0,54	-0,1
Lợi nhuận ST/Vốn chủ sở hữu	%	1,89	-0,3
Chỉ số ROA		0,0074	-0,1
Chỉ số ROE		0,019	-0,3

Đánh giá chung: Một số chỉ tiêu thay đổi so với năm 2019 do năm 2020 công ty vẫn tiếp tục thực hiện các dự án nâng cấp cải tạo toa xe, doanh thu sụt giảm dẫn đến cơ cấu vốn, tài sản thay đổi cũng như tỷ lệ khả năng thanh toán thay đổi. Tỷ suất sinh lời âm do bị lỗ.

3.3.2 Nhận xét, đánh giá tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020

- Tỷ trọng tài sản ngắn hạn/phải trả ngắn hạn là 0,99 lần < 1, Công ty gặp khó khăn khi thanh toán nợ ngắn hạn vào một số thời điểm khi dòng tiền mất cân đối.

- Tỷ lệ nợ phải trả/nguồn vốn chủ sở hữu là 2,01 lần, Công ty sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc trả nợ các nguồn vốn vay dài hạn.

- Phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2020 là 63.685.996.684 đồng, bằng 3,28% doanh thu thuần 2020 của Công ty, so với năm 2019 (3,5%) tỷ lệ này giảm đi cho thấy Công ty không bị chiếm dụng vốn bởi khách hàng;

- Vốn dư vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2020 là: 77.897.343.346 đồng. Nếu so với số dư tài khoản tiền và tương đương tiền 141.686.496.487 đồng và hàng tồn kho 88.662.042.874 đồng tại cùng thời điểm thì khoản vay ngắn hạn vẫn đảm bảo khả năng trả.

- Số dư vay và nợ dài hạn tại ngày 31/12/2020 là 596.644.932.308 đồng tăng 1,12% so với năm 2019 do năm 2020 hoàn thành dự án hoán cải nâng cấp 44 toa xe khách. Các khoản vay này được vay từ ngân hàng TMCP Quân đội, BIDV, VIB, PJB, VIETCOMBANK... từ các dự án đầu tư cải tạo nâng cấp toa xe khách, đầu tư đóng mới toa xe hàng và toa xe khách

4. THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 2020

4.1 Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020

Do sản xuất kinh doanh năm 2020 bị lỗ nên không có lợi nhuận.

4.2 Tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020

Quỹ lương và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 đã được chi trả là 1.412.255.601đ/1.234.028.640đ.

4.3 Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2020:

Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH kiểm toán VACO theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 uỷ quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán.

- 4.4 Thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ: không có
4.5 Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

Tổng doanh thu 1.957.371.304.007 đồng, theo kế hoạch SXKD đã được thông qua Công ty giảm lỗ 139,2 tỷ. Hầu hết các chỉ tiêu đều đạt so với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

5. KIẾN NGHỊ

- Năm 2021 tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn sẽ gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh và gói thi công 7000 tỷ vì vậy nhằm quản trị tốt sản xuất, tiết kiệm chi phí, kinh doanh hiệu quả Công ty cần tập trung rà soát và xây dựng định mức các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật sửa chữa toa xe cho phù hợp với nhiều chủng loại toa xe hiện nay.

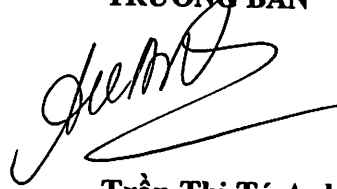
- Việc ký hợp đồng xác định đơn giá thanh toán sản phẩm tác nghiệp làm hộ với Công ty VTĐS Sài Gòn và Ratraco vẫn chậm chễ như các năm trước. Công ty cần có các biện pháp để đảm bảo các hợp đồng được ký kết sớm hơn.

- Thực hiện quản trị tốt dòng tiền để đảm bảo nguồn vốn sản xuất kinh doanh bình hành.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát về các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2020.

Trân trọng cảm ơn.

TM. BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
TRƯỞNG BAN



Trần Thị Tú Anh

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và phương án phân chia lợi nhuận của Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 và phương án phân chia lợi nhuận như sau:

1. Báo cáo tài chính năm 2020:

Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO

Công ty TNHH Kiểm toán VACO đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội theo đúng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hội đồng quản trị đã công bố theo đúng quy định với các chỉ tiêu cơ bản dưới đây:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
1	Tổng tài sản	1.619.051.407.064
2	Nợ phải trả	1.082.632.012.387
3	Vốn chủ sở hữu. Trong đó:	536.419.394.677
	+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu	800.589.700.000
	+ Quỹ đầu tư phát triển (Toàn bộ LNST theo kết quả kiểm toán Nhà nước)	3.012.266.363
	+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(267.182.571.686)
4	Tổng doanh thu (Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ + Doanh thu tài chính + Thu nhập khác)	1.957.371.304.007
5	Tổng chi phí (Giá vốn hàng bán + Chi phí tài chính + Chi phí bán hàng + Chi phí Quản lý doanh nghiệp + Chi phí khác)	2.153.520.303.528
6	Lợi nhuận trước thuế	(196.148.999.521)
7	Lợi nhuận sau thuế	(196.148.999.521)

2. Phương án phân chia lợi nhuận: Công ty không chi trả cổ tức năm 2020, do năm 2020 Công ty lỗ (196.148.999.521) đồng và lũy kế Lợi nhuận sau thuế đến năm 2020 Công ty lỗ (267.182.571.686) đồng, theo quy định tại Điều 13 Điều lệ Công ty sửa đổi ban hành ngày 26/4/2017, Công ty chỉ được chi trả cổ tức khi bù hết khoản lỗ trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét !

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Hoan

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để
kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 như sau:

Triển khai thực hiện quy định của Nhà nước về việc kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính hằng năm đối với công ty đại chúng lớn. Để đảm bảo tiến độ công khai và nộp các cơ quan chức năng. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội đề xuất Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các công ty kiểm toán độc lập trong danh sách các công ty kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán năm 2021 của Bộ tài chính theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật hiện hành.

Danh sách các Công ty kiểm toán đề xuất lựa chọn gồm:

- + Công ty TNHH Kiểm toán VACO
- + Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
- + Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét !

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 

CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Hoan

(Dự thảo)

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v thông qua kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2021
của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội

Kính thưa Quý cổ đông,

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP vận tải đường sắt Hà Nội đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông;

Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 kèm theo tờ trình số 45/TTr-HĐQT ngày 16/3/2021 của Công ty CP vận tải đường sắt Hà Nội;

Căn cứ kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020;

Căn cứ tác động ảnh hưởng của dịch Covid-19, kế hoạch triển khai thi công các gói thầu thuộc dự án 7.000 tỷ đồng;

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	So sánh 2021/2020
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1 957 371	1 644 143	84,0%
1.1	<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	nt	1 939 300	1 627 643	83,9%
a	Doanh thu vận tải	nt	1 636 545	1 379 100	84,3%
b	Doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải và kinh doanh khác	nt	302 755	248 543	82,1%
1.2	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	nt	9 175	1 500	16,3%
1.3	<i>Thu nhập khác (thanh lý tài sản, ...)</i>	nt	8 896	15 000	168,6%
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	2 153 520	1 836 968	85,3%
2.1	<i>Chi phí bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	nt	2 089 626	1 741 760	83,4%
2.2	<i>Chi phí tài chính</i>	nt	59 953	64 000	106,8%
2.3	<i>Chi phí khác</i>	nt	3 941	2 560	65,0%
2.4	<i>Chi phí dự phòng</i>	nt		28 648	
	Trợ cấp thôi việc, bảo lữ, tai nạn,...	nt		7 000	
	Lương dự phòng làm đêm, thêm giờ, lễ,...	nt		21 648	
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	- 196 149	- 192 825	
	- Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	- 196 149	- 192 825	
4	Tổng số lao động	Người	3 661	3 398	92,8%
5	Tiền lương bình quân/người/tháng	Triệu đồng	7,624	7,047	92,4%
6	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%			

CHỮ KÝ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	So sánh 2021/2020
7	Tỉ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ	%			
8	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu	%			
9	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%			

* Kế hoạch phân phối lợi nhuận : Năm 2021, Công ty không có lợi nhuận nên không chia cổ tức và trích lập các quỹ để bù đắp các khoản lỗ lũy kế.

II. Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2021:

1. Nguyên tắc xây dựng và thực hiện kế hoạch:

- Ưu tiên cân đối đủ nguồn vốn đối ứng cho các dự án đầu tư phát triển có khả năng vay, huy động được vốn và sử dụng nguồn vốn đem lại hiệu quả;

- Ưu tiên xây dựng các dự án đầu tư nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, năng lực kinh doanh vận tải, bao gồm: dự án đóng mới, cải tạo nâng cấp toa xe; xây dựng công trình và mua mới máy móc, thiết bị trực tiếp phục vụ công tác sửa chữa toa xe và tác nghiệp đầu cuối vận tải,...

- Ưu tiên các dự án mở rộng liên danh, liên kết để thực hiện xã hội hóa đầu tư cho vận tải.

2. Tổng hợp kế hoạch đầu tư phát triển năm 2021 của Công ty:

2.1. Nguồn vốn khấu hao TSCĐ được sử dụng năm 2021: 170 tỷ 282 triệu đồng, trong đó :

- Kế hoạch trích khấu hao TSCĐ năm 2021: 146 tỷ 113 triệu đồng.

- Nguồn vốn khấu hao TSCĐ năm 2020 chuyển tiếp sang năm 2021: 24 tỷ 169 triệu đồng .

2.2. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn khấu hao TSCĐ năm 2021: 170 tỷ 282 triệu đồng, trong đó :

- Trả nợ gốc vốn vay cho các dự án đầu tư đã hoàn thành các năm trước: 101 tỷ 366 triệu đồng.

- Vốn bố trí cho các dự án đầu tư chuyển tiếp: 62 tỷ 600 triệu đồng, cụ thể :

+ Dự án “Đóng mới 200 toa xe hàng”: 55 tỷ đồng.

+ Nộp tiền thuê 1436 m² đất tại số 6, đường Trần Hưng Đạo, Tp Yên Bái-Chi nhánh VTĐS Lào Cai: 7 tỷ 600 triệu đồng.

- Dự phòng vốn cho các dự án : 456 triệu đồng.

- Vốn bố trí cho các dự án đầu tư mới năm 2021: 5 tỷ 860 triệu đồng.

Kế hoạch năm 2021, dự kiến triển khai 13 danh mục dự án đầu tư mới với tổng mức đầu tư ước tính 5 tỷ 860 triệu đồng (nội dung chi tiết tại Phụ lục đính kèm theo). Trong đó phân ra :

+ Danh mục dự án đầu tư có tổng mức đầu tư dưới 01 tỷ đồng/ 01 dự án : có 12 danh mục dự án.

+ Danh mục dự án đầu tư có tổng mức đầu tư trên 01 tỷ đồng/ 01 dự án : có 01

Handwritten signature

danh mục dự án, cụ thể :

Đơn vị: Triệu đồng

Hạng mục, công trình đầu tư	Quy mô, khối lượng	Tổng mức đầu tư	Phương án vốn		Địa điểm đầu tư
			Vốn Khấu hao TSCĐ 2021	Vốn vay Ngân hàng	
Mua đầu máy đồn đảo toa xe trong xưởng sửa chữa toa xe	- 02 đầu máy đã hết niên hạn, còn sử dụng tốt .	1.000	1.000		Chi nhánh TXH, TXV

2.3. Kế hoạch huy động và sử dụng nguồn vốn vay năm 2021:

Công ty đã huy động vay vốn của Ngân hàng thương mại 92 tỷ 600 triệu đồng, bố trí sử dụng thanh toán cho dự án đầu tư “ Đóng mới toa xe hàng - 100 toa xe H khổ đường 1.000mm ” hoàn thành năm 2021.

2.4. Kế hoạch danh mục dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp và đóng mới toa xe từ nguồn vốn xã hội hóa :

Năm 2021, tiếp tục tổ chức mời gọi các đối tác trong và ngoài ngành đường sắt hợp tác đầu tư để triển khai các danh mục dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp và đóng mới toa xe đã ghi trong kế hoạch đầu tư phát triển năm 2019- 2020 từ nguồn vốn xã hội hóa, cụ thể :

- Đóng mới 30 toa xe khách : dự kiến tổng mức đầu tư 294 tỷ đồng.
- Cải tạo, nâng cấp 06 toa xe khách: dự kiến tổng mức đầu tư 19 tỷ đồng .
- Đóng mới 100 toa xe hàng : dự kiến tổng mức đầu tư 120 tỷ đồng.

III. Tổ chức thực hiện:

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty:

- Triển khai các bước lập dự án, quyết định phê duyệt và tổ chức thực hiện các dự án theo đúng các quy định của nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng; đảm bảo khả năng vay – trả; hoàn toàn chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư dự án, bảo toàn và triển vốn đầu tư của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại Công ty (trong quá trình triển khai phải rà soát kỹ, chi tiết danh mục đầu tư, sự cần thiết và hiệu quả dự án).

- Điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án đầu tư trong kế hoạch đầu tư phát triển nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu sản xuất kinh doanh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Hoan

PHỤ LỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 2021
(Kèm theo Tờ trình ngày 16 tháng 3 năm 2021)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Hạng mục, công trình đầu tư	Quy mô, khối lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật	Mục tiêu đầu tư và sự cần thiết đầu tư	Dự kiến Tổng mức đầu tư	Phương án bố trí vốn		Địa điểm đầu tư
					khấu hao TSCĐ năm 2021	Vốn vay ngân hàng	
A	Các dự án có TMĐT dự kiến < 1 tỷ đồng			4.860	4.860	0	
1	Thiết bị sấy băng điện gầm toa xe	Mua mới 01 cái, 380V -50HZ công suất 36KW, nhiệt độ max 200oC. KT: 1250x1000x750mm.	Hiện tại chi nhánh chưa có thiết bị sấy công nhân phải dùng loại máy sấy cầm tay thực hiện từng vị trí một tại gầm toa xe dẫn đến hiệu quả không cao, chất lượng không ổn định, năng suất rất thấp.	220	220		CN TXHN
2	Cài tạo đường điện nhà xưởng sửa chữa toa xe A4, A6, A7	- Thay mới hệ thống đường điện trục chính và 01 đường điện trục chính từ trạm biến áp điện đến vị trí đặt máy tiện bánh xe CNC (bao gồm các thiết bị phụ trợ)	Phục vụ công tác sửa chữa toa xe	610	610		CN TXV
3	Ky điện thủy lực 50t (một chiều)	Mua mới 03 bộ ky thủy một chiều: - Tải trọng nâng Q: 50 tấn. - Công suất N: 0.37 kw, điện áp: 230v/1pha/50Hz. - Đồng hồ áp suất	- Phục vụ cho công tác sửa chữa toa xe cắt móc, sửa chữa định kỳ tại các trạm khám xe	300	300		CN TXH

leat

TT	Hạng mục, công trình đầu tư	Quy mô, khối lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật	Mục tiêu đầu tư và sự cần thiết đầu tư	Dự kiến Tổng mức đầu tư	Phương án bố trí vốn		Địa điểm đầu tư
					khấu hao TSCĐ năm 2021	Vốn vay ngân hàng	
4	Máy gia nhiệt vòng bi, bánh răng	- Mua mới 01 máy gia nhiệt vòng bi, bánh răng, thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Đầu tư mới 01 Máy gia nhiệt vòng bi, bánh răng, nhằm thay thế máy cũ đã lạc hậu, hư hỏng nghiêm trọng không thể sửa chữa khôi phục	80	80		CN TXH
5	Mai tôn đường sửa chữa toa xe - Tổ sản xuất Ninh Bình	Đầu tư mái nhà công nghiệp tại đường sửa chữa có thông số như sau: - Kích thước (axbxh) = (45x5x6) m	Phục vụ công tác sửa chữa toa xe	400	400		CN TXH
6	Đầu tư mới Dàn cầu trục 900 kg, LK 12m nhà xưởng Cơ khí A15	- Hệ thống cột I300; Đường chạy dàn; Dầm cầu trục nâng hạ Q = 900 kg, H nâng = 6m.	Phục vụ công tác sửa chữa toa xe	690	690		CN TXV
7	Đầu tư 01 máy bơm chìm giếng khoan	Mua mới 01 máy bơm chìm giếng khoan 7,5kw, điện áp 380v	Phục vụ bơm cấp nước lên các đoàn khách tại ga Hà Nội	40	40		CN ĐTV HN

TT	Hạng mục, công trình đầu tư	Quy mô, khối lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật	Mục tiêu đầu tư và sự cần thiết đầu tư	Dự kiến Tổng mức đầu tư	Phương án bố trí vốn		Địa điểm đầu tư
					khấu hao TSCĐ năm 2021	Vốn vay ngân hàng	
8	Xây mới nhà vệ sinh	Xây mới 01 nhà vệ sinh bãi hàng đường 15, 16 ga Yên Viên	Hiện tại khu vực bãi hàng đường 15, 16 ga Yên Viên chưa có nhà vệ sinh. Vì vậy đề nghị cho đầu tư mới.	170	170		CN VTĐS Đông Anh
9	Hoán cải 01 toa xe B80 thành toa xe HL chờ xe máy không tháo xăng	Hoán cải theo thiết kế toa xe chờ xe máy không tháo xăng đã phòng cảnh sát PCCC duyệt	Phục vụ và tăng thêm tiện ích cho hành khách đi tàu	300	300		CN VTĐS Hải Phòng
10	Hoán cải toa xe B80 thành toa xe chờ ô tô	Hoán cải 02 toa xe B80 thành toa xe chuyên dùng chờ xe ô tô	Phục vụ vận tải hàng hóa	300	300		CN VTĐS Huế
11	Xe nâng hàng loại 2,5 tấn	Mua mới 01 xe nâng hàng 2.5 tấn	Hiện tại Chi nhánh chưa có xe nâng hàng phục vụ tác nghiệp xếp dỡ hàng hóa tại ga Vinh và Ga Yên Trung	250	250		CN VTĐS Vinh
12	Dự án nhỏ lẻ phát sinh có TMĐT dưới 01 tỷ triệu	Theo nhu cầu cấp thiết phục vụ SXKD		1.500	1.500		Cơ quan Cty & các chi
B	Các dự án có TMĐT ≥ 01 tỷ đồng			1.000	1.000		

evato

TT	Hạng mục, công trình đầu tư	Quy mô, khối lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật	Mục tiêu đầu tư và sự cần thiết đầu tư	Dự kiến Tổng mức đầu tư	Phương án bố trí vốn		Địa điểm đầu tư
					khấu hao TSCĐ năm 2021	Vốn vay ngân hàng	
13	Mua đầu máy dòn đảo toa xe trong nhà xưởng	Mua 02 đầu máy đã qua sử dụng còn hoạt động tốt	Hiện tại CNTX Vinh và CN TX Hàng sử dụng đầu máy TY 7-D4H đã qua sử dụng do lạc hậu kỹ thuật thường xuyên bị hư hỏng không có phụ tùng vật tư thay thế. Vì vậy đề nghị Công ty mua lại 02 đầu máy thanh lý (còn hoạt động) từ TCT ĐSVN để phụ vụ công tác dòn đảo toa xe trong nhà xưởng	1.000	1.000		- CN TXH - CN TXV
	Tổng công (A+B)			5.860	5.860		

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Hoan

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v Thông qua mức thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021)

Kính thưa Quý cổ đông,

Theo quy định tại Điều lệ của Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội, căn cứ vào kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao cho HĐQT, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội năm 2021 như sau:

Tổng cộng tiền thù lao Hội đồng quản trị (05 người), Ban Kiểm soát (03 người) là **1.405.000.000** đồng/năm.

(Một tỷ, bốn trăm lẻ năm triệu đồng/năm)

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chi trả cho từng cá nhân theo Quy chế trả lương, thù lao của Người quản lý Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đỗ Văn Hoan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO
ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐS HÀ NỘI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành;

Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ này, quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan;

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 15 tháng 4 năm 2021.

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) "*Luật Doanh nghiệp*" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

b) "*Luật Chứng khoán*" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

c) "*Việt Nam*" là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

d) "*Tổng công ty Đường sắt Việt Nam*" (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) là công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, được chuyển đổi từ công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ";

đ) "*Công ty*" là Công ty cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội;

e) "*Điều lệ*" là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

g) "*Vốn điều lệ*" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và quy định tại Điều 7 Điều lệ này;

h) "*Vốn có quyền biểu quyết*" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

i) "*Ngày thành lập*" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

k) "*Người điều hành Công ty*" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

l) "*Người quản lý Công ty*" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong Công ty;

m) "*Người có liên quan*" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n) "*Người có quan hệ gia đình*" bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột,

em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng;

o) "*Thời hạn hoạt động*" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Khoản 5 Điều 3 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

p) "*Cổ phần*": vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau được gọi là cổ phần;

q) "*Cổ phần phổ thông*" là một đơn vị vốn điều lệ của Công ty có mệnh giá là mười ngàn đồng (10.000 VND) và cho phép người nắm giữ có các quyền theo quy định của Điều lệ này;

r) "*Cổ phần ưu đãi*" là các loại cổ phần ưu đãi theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

s) "*Cổ tức*" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác;

t) "*Cổ đông*" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

u) "*Cổ phiếu*" là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hay một số cổ phần của Công ty;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản nào khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp hoặc Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 2. Tên, địa chỉ, trụ sở chính

1. Tên gọi đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI

2. Tên gọi tắt: HARACO

3. Tên giao dịch quốc tế: HANOI RAILWAY TRANSPORT JOINT STOCK COMPANY

4. Trụ sở chính: Số 130 đường Lê Duẩn, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

5. Điện thoại: 024.39421117

Fax: 024. 38224736

6. E-mail: vtdshn@haraco.com.vn

7. Website: vantaiduongsathanoi.vn

Điều 3. Hình thức pháp lý, tư cách pháp nhân và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Hình thức doanh nghiệp:

- Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ sang Công ty cổ phần do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam nắm giữ cổ phần chi phối;

- Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội có:

a) Tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo các quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

b) Vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình; chịu trách nhiệm dân sự và thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các công ty con và công ty liên kết trong phạm vi số vốn do Công ty đầu tư.

c) Quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt đối với tên gọi, thương hiệu, biểu tượng riêng của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội có một (01) người đại diện theo pháp luật.

Tổng giám đốc Công ty là đại diện theo pháp luật của Công ty.

Người đại diện theo pháp luật thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

- Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định nêu trên tại Khoản 3 Điều này.

4. Công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 61 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

a) Ngành, nghề kinh doanh chính:

TT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Vận tải hành khách đường sắt Chi tiết: Kinh doanh vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức trong nước và liên vận quốc tế;	4911
2	Vận tải hàng hóa đường sắt: Chi tiết: Đại lý và dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường hàng không;	4912
3	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Tư vấn, khảo sát, thiết kế, chế tạo, đóng mới và sửa chữa	7410

	các phương tiện, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành đường sắt và các sản phẩm cơ khí;	
4	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Chi tiết: Sửa chữa bảo dưỡng phương tiện và thiết bị vận tải;	3315
5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Chi tiết: Các dịch vụ khác liên quan đến việc tổ chức và thực hiện chuyên chở hành khách, hành lý bao gửi và hàng hóa đường sắt;	5221
6	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết : Cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, nhà xưởng, kho hàng, bãi hàng, bãi đỗ xe, ki ốt, các cơ sở hạ tầng phục vụ văn hóa, thể thao;	7710
7	Kho bãi và lưu trữ hàng hóa Chi tiết: xếp dỡ, giao nhận hàng hóa; Lưu kho, bảo quản hàng hóa;	5210
8	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Kinh doanh xăng, dầu, mỡ bôi trơn; Đại lý bảo hiểm các loại;	4661
9	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết : Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;	4520
10	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Sản xuất, chế tạo phụ tùng, cấu kiện kim loại, container và gia công cơ khí ;	2511
11	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị và sản phẩm kim loại đúc sẵn;	3311
12	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Xuất, nhập khẩu vật tư thiết bị chuyên dùng ngành đường sắt;	8299
13	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh hàng tiêu dùng, thực phẩm;	1010
14	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh du lịch, khách sạn, nhà nghỉ dịch vụ lưu trú ngắn ngày;	5510
15	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết : Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên và dịch vụ ăn uống khác;	5610
16	Hoạt động của các cơ sở thể thao Chi tiết: Hoạt động thể thao, hoạt động vui chơi và giải trí ;	9311
17	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Dịch vụ viễn thông ;	6190
18	Quảng cáo Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá);	7310

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- Huy động và sử dụng các nguồn lực để tổ chức sản xuất có hiệu quả nhằm tối đa hóa lợi nhuận, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, bảo đảm lợi ích tối đa cho các cổ đông;

- Hoàn thành mọi nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, góp phần xây dựng, phát triển đất nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với Chiến lược phát triển chung của Tổng công ty và quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty

2. Công ty tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 6. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian và điều kiện cần thiết khác để các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội tại Công ty hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của các tổ chức đó.

CHƯƠNG II

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 800.589.700.000 đồng

(Tám trăm tỷ, năm trăm tám chín triệu, bảy trăm nghìn đồng chẵn).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 80.058.970 cổ phần

(Tám mươi triệu, không trăm năm tám nghìn, chín trăm, bảy mươi cổ phần)

Với mệnh giá một cổ phần là 10.000 VNĐ *(mười nghìn đồng).*

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Toàn bộ cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông, trong đó cổ phần thuộc sở hữu của Người lao động trong Công ty được mua ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài tại thời điểm thành lập bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 và Khoản 4 Điều 10 của Điều lệ này. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 16 và Điều 17 Điều lệ này.

4. Cổ phần thuộc sở hữu của Người lao động trong Công ty được mua ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài tại thời điểm thành lập Công ty được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông và tự do chuyển nhượng sau khi kết thúc thời gian cam kết. Người nắm giữ cổ phần được mua ưu đãi theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại Công ty có quyền và nghĩa vụ như cổ đông phổ thông, ngoại trừ quyền chuyển nhượng cổ phần. Sau thời gian

cam kết các hạn chế về chuyển nhượng cổ phần của Người lao động trong Công ty đều được bãi bỏ.

5. Công ty có thể chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ. Việc chào bán cổ phần được thực hiện sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là trường hợp Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ tại công ty.

Cổ phần phổ thông phát hành thêm phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua không đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị của Công ty có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại cho cổ đông của công ty và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

7. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp và khoản 6 Điều 8 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, công ty phát hành và giao cổ phiếu cho người mua; trường hợp không giao cổ phiếu, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp và khoản 6 Điều 8 của Điều lệ này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty

8. Công ty có thể mua lại cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

9. Công ty có thể phát hành các loại trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

10. Trong quá trình hoạt động, phần vốn của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam tại Công ty có thể thay đổi. Việc thay đổi do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam lập phương án, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu và Sổ đăng ký cổ đông

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

6. Sổ đăng ký cổ đông:

a) Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Công ty.

b) Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

c) Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công ty trong sổ đăng ký cổ đông.

d) Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

đ) Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại khoản 10 Điều 10 Điều lệ này.

Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có dấu và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần, thừa kế cổ phần

1. Tất cả các cổ phần trong Công ty đều được tự do chuyển nhượng trừ pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Cổ phần ưu đãi của người lao động đã mua khi cam kết làm việc lâu dài cho Công ty trong thời hạn ít nhất là ba (03) năm (kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận

đăng ký doanh nghiệp) được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết.

Trường hợp Công ty thực hiện tái cơ cấu dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ luật Lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua thêm sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Trường hợp người lao động có nhu cầu bán lại cho Công ty số cổ phần này thì Công ty có trách nhiệm mua lại với giá sát với giá giao dịch trên thị trường.

Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì phải bán lại cho Công ty toàn bộ số cổ phần đã được mua thêm với giá sát với giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm cổ phần hóa.

4. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

5. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty.

6. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị tước quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

7. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Công ty.

8. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại Khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông.

9. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 11. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 12. Mua lại cổ phần, trái phiếu, điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Cổ phần, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác quy định tại Điều lệ Công ty và phải được thanh toán đủ một lần.

2. Cổ đông biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Việc yêu cầu của cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác liên quan.

3. Công ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi đã bán theo quy định sau đây:

a) Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong thời hạn mười hai (12) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

b) Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

4. Trình tự thủ tục tiến hành việc mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông hoặc theo quyết định của Công ty và việc thanh toán, xử lý các cổ phần mua lại thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 133, Điều 134 của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác liên quan.

Điều 13. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ này. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp.

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên Công ty và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;

c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;

đ) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các Điều 123, 124 và 125 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Điều 14. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần được mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này hoặc việc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 135 Luật Doanh nghiệp và Điều 13 Điều lệ này, cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận. Trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì tất cả các thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 15. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Công ty

Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;

2. Hội đồng quản trị;

3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc
5. Các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy điều hành Công ty;

MỤC I

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 16. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ này và pháp luật quy định; Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác trong Công ty đề cử.

Điều 17. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 18. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 16 Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thể hiện bằng văn bản; trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

c) Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông Công ty thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đối với:
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
 - Các doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật của Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông còn lại tán thành hoặc số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết còn lại tán thành đối với trường hợp thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - h) Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - i) Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - k) Tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình Công ty); giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - n) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty;
 - đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;
 - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình Công ty); giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

p) Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r) Chấp thuận các giao dịch sau:

- Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này; Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;

- Giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người có liên quan của các đối tượng này; Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

- Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;

t) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 20. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều này.

Trường hợp có nhiều hơn một (01) người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

4. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

5. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 21. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các

cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 23, 24, 25, 26 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 22. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Chuẩn bị chương trình và nội dung Đại hội;

d) Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;

g) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

h) Các công việc khác phục vụ Đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên

trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị đề xuất quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 23. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ để tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

Điều 24. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác. Các biện pháp này phải được Hội đồng quản trị Công ty ban hành và gửi theo Thông báo mời họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;

b) Định hướng phát triển Công ty;

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty.

Điều 26. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty;
- e) Các vấn đề khác do Điều lệ này quy định.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 27. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị Công ty có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký Biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong Biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 29. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 16 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 30 của Điều lệ này;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 30. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

MỤC II

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 31. Nhiệm kỳ và số lượng của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế trong các trường hợp sau:

a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều 32 Điều lệ này;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.

d) Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

đ) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

e) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

- Trừ trường hợp quy định tại điểm này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; của người quản lý tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

4. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 33. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty.

3. Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp, Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

i) Thông qua các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đối với:

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;

- Các doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

k) Quy hoạch, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

l) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;

q) Giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến người quản lý Công ty; thay mặt Công ty khiếu nại, tố cáo Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty khi xét thấy cá nhân đó xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty;

r) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; ban hành các quy chế nội bộ khác của công ty trừ trường hợp Điều lệ này quy định khác hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.

4. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c trên đây phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm các thông tin sau:

- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

- Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Hội đồng quản trị;

- Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc; Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;

- Các kế hoạch trong tương lai.

6. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

7. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói

trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

8. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty nhưng phải thực hiện bảo mật, cung cấp thông tin, phát ngôn liên quan đến các thông tin, tài liệu này theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nội quy, quy chế của Công ty.

Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Việc cung cấp thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nội quy, quy chế của Công ty.

Điều 34. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc chuyên trách hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 35. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một Thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

đ) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 36. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát;

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ này hoặc quy chế, quy định nội bộ của Công ty quy định và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 10 Điều này.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 37. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong Biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

MỤC III

GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 38. Tổng giám đốc Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị làm Tổng giám đốc Công ty.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế về quản lý tổ chức, cán bộ của Công ty.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc Công ty:

- a) Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty;.

c) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty, thành viên Ban Kiểm soát Công ty và người quản lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

d) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế về quản lý tổ chức, cán bộ của Công ty.

4. Tổng Giám đốc Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, của Đại hội đồng cổ đông;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông; Ký kết các Hợp đồng nhân danh Công ty. Đối với các hợp đồng thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông Công ty, Tổng Giám đốc Công ty ký kết hợp đồng sau khi có quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty, Đại hội đồng cổ đông công ty.

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Hội đồng quản trị Công ty; Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc Công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Điều 39. Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

1. Công ty có các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị Công ty quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu theo đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty.

2. Các Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc Công ty trong việc điều hành Công ty theo phân công và uỷ quyền Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công và uỷ quyền.

3. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán của Công ty, giúp Tổng Giám đốc bảo toàn và phát triển vốn của Công ty; đề xuất các giải pháp và điều kiện tạo nguồn vốn cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh, đầu tư phát triển Công ty; quản lý, kiểm tra, giám sát công tác tài chính kế toán của Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; có các quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Kế toán trưởng chịu trách

nhiệm trước Giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền. Tiêu chuẩn tuyển chọn Kế toán trưởng Công ty đtrợc thực hiện theo quy định của Luật Kế toán, và các quy định của pháp luật.

4. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng đợc bổ nhiệm, ký hợp đồng với thời hạn năm (05) năm và có thể đợc bổ nhiệm, ký hợp đồng lại theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế về quản lý tổ chức, cán bộ của Công ty.

Điều 40. Bộ máy giúp việc

1. Bộ máy giúp việc gồm các phòng chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty trong việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty.

2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, các đơn vị sản xuất đợc quy định tại quyết định thành lập, quyết định giao nhiệm vụ của Hội đồng quản trị Công ty và theo quy chế, quy định nội bộ Công ty.

3. Trong quá trình hoạt động, Tổng Giám đốc Công ty có quyền đề nghị Hội đồng quản trị Công ty thay đổi cơ cấu, định biên, số lượng và chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị sản xuất phù hợp với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 41. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

1. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty đợc trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty do Hội đồng quản trị quyết định theo kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2. Tiền lương của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty đợc tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, đợc thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 42. Trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ đợc giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ đợc giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền

bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty và bên thứ ba.

Điều 43. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác trong các trường hợp sau đây:

- a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 42 Điều lệ này;
- b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty sẽ tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

**MỤC IV
BAN KIỂM SOÁT**

Điều 44. Ban Kiểm soát

1. Công ty có Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu ra. Ban Kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại theo quy định của pháp luật. Ban Kiểm soát phải có hai (02) thành viên thường trú ở Việt Nam.

2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

Trưởng Ban Kiểm soát có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định nội bộ của Ban Kiểm soát; Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;
- c) Thay mặt Ban Kiểm soát yêu cầu Hội đồng quản trị họp bất thường và triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường pháp luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- d) Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát; Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

đ) Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn chung của Ban Kiểm soát;

e) Tham dự hoặc cử thành viên Ban Kiểm soát khác tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị nhưng không được biểu quyết; Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty nếu ý kiến của mình khác với quyết định của Hội đồng quản trị Công ty;

g) Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;

h) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật.

3. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;

d) Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

4. Thành viên Ban Kiểm soát bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Ban Kiểm soát bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty; Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và cổ đông; Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

2. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp của Ban Kiểm soát, cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

3. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

5. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

6. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

7. Giám sát tình hình tài chính của Công ty; Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

8. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

9. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

11. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

12. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

13. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

14. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát phải có các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát.

- b) Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát.
- c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
- d) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty.

đ) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và các cổ đông.

15. Các tài liệu và thông tin sau đây phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

16. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, Chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

17. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

18. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 46. Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty, để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 47. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

Tiền lương thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương thù lao, thưởng và lợi ích theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát;

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG IV CON DẤU CÔNG TY, CÔNG KHAI THÔNG TIN VÀ LƯU GIỮ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 48. Con dấu của Công ty

1. Dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, Chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Việc quản lý và lưu giữ dấu thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty và quy chế, quy định nội bộ của Công ty, Chi nhánh, Văn phòng đại diện hoặc đơn vị khác của Công ty có dấu ban hành. Công ty sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

Điều 49. Chế độ lưu giữ tài liệu của Công ty

1. Công ty lưu giữ các tài liệu sau đây:

- a) Điều lệ Công ty; các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty; Sổ đăng ký cổ đông;
- b) Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giấy phép và giấy chứng nhận khác;
- c) Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty;
- d) Phiếu biểu quyết, Biên bản kiểm phiếu, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định của Công ty;
- đ) Bản cáo bạch đề chào bán hoặc niêm yết chứng khoán (nếu có);
- e) Báo cáo của Ban Kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán;

g) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm;

h) Các tài liệu khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Đối với các báo cáo quy định tại khoản 4 Điều 33 Điều lệ này phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn.

3. Công ty phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính Công ty; thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 50. Công khai thông tin Công ty

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

2. Công ty công bố định kỳ trên trang thông tin điện tử của mình các thông tin sau đây:

- a) Điều lệ Công ty;
- b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty;
- c) Báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

3. Công ty phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi Công ty có trụ sở chính chậm nhất ba (03) ngày sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.

4. Việc công bố thông tin định kỳ và thông tin bất thường được thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin và Điều lệ này.

Điều 51. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc quy chế, quy định nội bộ của Công ty;

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG V

NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY

Điều 52. Quan hệ lao động trong Công ty

1. Trong Công ty, Tổng giám đốc Công ty là Người sử dụng lao động.

Quan hệ lao động giữa người lao động hoặc tập thể lao động với người sử dụng lao động được xác lập qua đối thoại, thương lượng, thoả thuận theo nguyên tắc tự nguyện, thiện chí, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau.

Công ty cam kết bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; không phân biệt đối xử và xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.

2. Người lao động trong Công ty có các quyền sau đây:

a) Làm việc; tự do lựa chọn việc làm, nghề nghiệp, học nghề, nâng cao trình độ nghề nghiệp không bị phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, quấy rối tình dục tại nơi làm việc;

b) Hưởng lương phù hợp với trình độ, kỹ năng nghề trên cơ sở thoả thuận với người sử dụng lao động; được bảo hộ lao động, làm việc trong điều kiện bảo đảm về an toàn, vệ sinh lao động; nghỉ theo chế độ, nghỉ hằng năm có hưởng lương và được hưởng phúc lợi tập thể theo quy định của pháp luật về lao động và quy chế, quy định của Công ty;

c) Thành lập, gia nhập, hoạt động trong tổ chức đại diện người lao động, tổ chức nghề nghiệp và tổ chức khác theo quy định của pháp luật; yêu cầu và tham gia đối thoại, thực hiện quy chế dân chủ, thương lượng tập thể với người sử dụng lao động và được tham vấn tại nơi làm việc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của mình; tham gia quản lý theo nội quy của người sử dụng lao động;

d) Từ chối làm việc nếu có nguy cơ rõ ràng đe dọa trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe trong quá trình thực hiện công việc;

đ) Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật;

e) Đình công;

g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Người lao động trong Công ty có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể và các thoả thuận hợp pháp khác;

b) Chấp hành kỷ luật lao động, nội quy lao động; tuân theo sự quản lý, điều hành, giám sát hợp pháp của người sử dụng lao động;

c) Thực hiện các quy định của pháp luật về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và an toàn, vệ sinh lao động.

4. Người sử dụng lao động của Công ty có các quyền sau đây:

a) Tuyển dụng, bố trí, quản lý, điều hành, giám sát lao động theo nhu cầu sản xuất, kinh doanh; khen thưởng và xử lý vi phạm kỷ luật lao động;

b) Thành lập, gia nhập, hoạt động trong tổ chức đại diện người sử dụng lao động, tổ chức nghề nghiệp và tổ chức khác theo quy định của pháp luật;

c) Yêu cầu tổ chức đại diện người lao động, thương lượng với mục đích ký kết thoả ước lao động tập thể; tham gia giải quyết tranh chấp lao động, đình công; đối thoại, trao đổi với tổ chức đại diện người lao động về các vấn đề trong quan hệ lao động, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người lao động;

d) Đóng cửa tạm thời nơi làm việc;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

5. Người sử dụng lao động của Công ty có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể và thoả thuận khác với người lao động và các thoả thuận hợp pháp khác; tôn trọng danh dự, nhân phẩm của người lao động;

b) Thiết lập cơ chế và thực hiện đối thoại, trao đổi với người lao động và tổ chức đại diện người lao động tại Công ty và thực hiện nghiêm chỉnh quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc;

c) Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nhằm duy trì, chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm cho người lao động;

d) Thực hiện quy định của pháp luật về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và an toàn, vệ sinh lao động; xây dựng và thực hiện các giải pháp phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc;

đ) Tham gia phát triển tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, đánh giá, công nhận kỹ năng nghề cho người lao động.

Điều 53. Tổ chức đại diện người lao động trong Công ty

1. Người lao động trong Công ty có quyền thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn theo quy định của Luật Công đoàn hoặc có quyền thành lập, gia nhập và tham gia hoạt động của tổ chức của người lao động tại Công ty theo quy của Bộ luật Lao động.

2. Các tổ chức đại diện người lao động quy định tại khoản 1 Điều này bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong việc đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động trong quan hệ lao động.

3. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty trong quan hệ lao động:

a) Thương lượng tập thể với người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động.

b) Đối thoại tại nơi làm việc theo quy định của Bộ luật Lao động.

c) Được tham khảo ý kiến xây dựng và giám sát việc thực hiện thang lương, bảng lương, mức lao động, quy chế trả lương, quy chế thưởng, nội quy lao động và những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích của người lao động là thành viên của mình.

d) Đại diện cho người lao động trong quá trình giải quyết khiếu nại, tranh chấp lao động cá nhân khi được người lao động ủy quyền.

đ) Tổ chức và lãnh đạo đình công theo quy định của Bộ luật Lao động.

e) Tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật của cơ quan, tổ chức đăng ký hoạt động hợp pháp tại Việt Nam nhằm tìm hiểu pháp luật về lao động; về trình tự, thủ tục thành lập tổ chức đại diện người lao động và việc tiến hành các hoạt động đại diện trong quan hệ lao động sau khi được cấp đăng ký.

g) Được người sử dụng lao động bố trí nơi làm việc và được cung cấp thông tin, bảo đảm các điều kiện cần thiết cho hoạt động của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty.

h) Tổ chức đại diện người lao động tại Công ty có thể bầu Ban lãnh đạo của tổ chức đại diện của mình. Tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự thủ tục bầu thành viên Ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động. Thành viên Ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty có quyền sau đây:

- Tiếp cận người lao động tại nơi làm việc trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty. Việc thực hiện quyền này phải bảo đảm không ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của người sử dụng lao động;

- Tiếp cận người sử dụng lao động để thực hiện các nhiệm vụ đại diện của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty;

- Được sử dụng thời gian làm việc theo quy định tại Bộ luật Lao động và văn bản pháp luật liên quan để thực hiện công việc của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty mà vẫn được người sử dụng lao động trả lương;

- Được hưởng các bảo đảm khác trong quan hệ lao động và trong việc thực hiện chức năng đại diện theo quy định của pháp luật.

h) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với tổ chức đại diện người lao động trong Công ty:

a) Không được cản trở, gây khó khăn khi người lao động tiến hành các hoạt động hợp pháp nhằm thành lập, gia nhập và tham gia các hoạt động của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty.

b) Công nhận và tôn trọng các quyền của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty đã được thành lập hợp pháp.

c) Phải thỏa thuận bằng văn bản với ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại Công ty khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, chuyển làm công việc khác, ký luật sa thải đối với người lao động là thành viên ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở. Trường hợp không thỏa thuận được, hai bên phải báo cáo với cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Sau 30 ngày kể từ ngày báo cho cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh biết, người sử dụng lao động mới có quyền quyết định. Trường hợp không nhất trí với quyết định của người sử dụng lao động thì người lao động, ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở có quyền yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

d) Phải gia hạn hợp đồng lao động đã giao kết đến hết nhiệm kỳ cho người lao động là thành viên ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở đang trong nhiệm kỳ mà hết hạn hợp đồng lao động.

đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 54. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị Công ty.

2. Một phần lợi nhuận sau thuế của Công ty có thể dùng để trích lập vào các quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KIỂM TOÁN

Điều 55. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các Chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 56. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu tiên khi chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 57. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Điều 58. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng, quý và Báo cáo thường niên

1. Công ty phải lập, công bố và nộp cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền bản báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập, công bố và nộp cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền báo cáo tài chính 6 tháng và quý theo quy định pháp luật liên quan.

4. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

Điều 59. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG VIII**TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY****Điều 60. Tổ chức lại Công ty**

1. Việc tổ chức lại, hình thức tổ chức lại Công ty do Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định.

2. Khi tổ chức lại, Công ty có nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật quy định.

Điều 61. Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh

1. Việc tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 206 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 213 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 62. Giải thể Công ty

Việc giải thể Công ty thực hiện theo quy định tại các Điều 207, 208, 209, 210 và Điều 211 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 63. Thanh lý Công ty

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập.

Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- đ) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 64. Phá sản Công ty

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản

CHƯƠNG IX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ VÀ SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Điều 65. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các thỏa thuận khác giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

Các bên liên quan giải quyết tranh chấp trên nguyên tắc thương lượng, hoà giải.

Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần ngày từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Điều 66. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 67. Tổ chức thực hiện

1. Các cổ đông của Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.

2. Các nội quy, quy chế, quy định nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty ban hành phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ này.

Điều 68. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 10 Chương 68 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội nhất trí thông qua ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở của Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười lăm (15) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a) Ba (03) bản nộp Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (là cổ đông tổ chức có vốn góp chi phối tại Công ty);

b) Mười hai (12) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu hai (02) thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội đã được đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...ngày ...tháng...năm...

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội bao gồm các nội dung sau.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan, đảm bảo bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) "*Luật Doanh nghiệp*" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

b) Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

c) "*Việt Nam*" là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

d) "*Tổng công ty Đường sắt Việt Nam*" (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) là công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, được chuyển đổi từ

công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ”;

đ) “*Công ty*” là Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội;

e) “*Điều lệ*” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

g) “*Quy chế*” là Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;

h) “*Vốn điều lệ*” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và quy định tại Điều 7 Điều lệ công ty;

i) “*Vốn có quyền biểu quyết*” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

k) “*Ngày thành lập*” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

l) “*Người điều hành Công ty*” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

m) “*Người quản lý Công ty*” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong Công ty;

n) “*Người có liên quan*” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

o) “*Người có quan hệ gia đình*” bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản nào khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ công ty) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp hoặc Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
3. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; của người quản lý tại Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.
4. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một Thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 9. Thư ký công ty

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

1. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

đ) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 10. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế trong các trường hợp sau:

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều 32 Điều lệ công ty;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.

4. Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

5. Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

6. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 11. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty.

3. Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp, Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ công ty;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

i) Thông qua các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đối với:

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;
- Các doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 159 của Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

k) Quy hoạch, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

l) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;

q) Giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến người quản lý Công ty; thay mặt Công ty khiếu nại, tố cáo Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty khi xét thấy cá nhân đó xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty;

r) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; ban hành các quy chế nội bộ khác của công ty trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm các thông tin sau:

- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

- Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Hội đồng quản trị;

- Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc; Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;

- Các kế hoạch trong tương lai.

5. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

6. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty nhưng phải thực hiện bảo mật, cung cấp thông tin, phát ngôn liên quan đến các thông tin, tài liệu này theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nội quy, quy chế của Công ty.

Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Việc cung cấp thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nội quy, quy chế của Công ty.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

- b) Số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 16 Điều lệ công ty. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thể hiện bằng văn bản; trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Chuẩn bị chương trình và nội dung Đại hội;

d) Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;

g) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

h) Các công việc khác phục vụ Đại hội.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát;

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty hoặc quy chế, quy định nội bộ của Công ty quy định và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 10 Điều này.

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong Biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc chuyên trách hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Quy chế**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ công ty hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ công ty thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội bao gồm 7 chương 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm...

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày.. . tháng 4 năm 2021

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được áp dụng cho Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) "*Luật Doanh nghiệp*" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

b) "*Luật Chứng khoán*" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019);

c) "*Việt Nam*" là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

d) "*Tổng công ty Đường sắt Việt Nam*" (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) là công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, được chuyển đổi từ công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ";

đ) "*Công ty*" là Công ty cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội;

- e) “*Điều lệ*” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- g) “*Quy chế*” là Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
- h) “*Vốn điều lệ*” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và quy định tại Điều 7 Điều lệ công ty;
- i) “*Vốn có quyền biểu quyết*” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- k) “*Ngày thành lập*” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- l) “*Người điều hành Công ty*” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- m) “*Người quản lý Công ty*” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong Công ty;
- n) “*Người có liên quan*” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp/khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ;
- o) “*Người có quan hệ gia đình*” bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản nào khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp hoặc Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty, để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên thành viên Ban Kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên thành viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên thành viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Công ty có Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu ra. Ban Kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát phải có hai (02) thành viên thường trú ở Việt Nam.

2. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
2. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;
4. Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
5. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 8. Trưởng Ban kiểm soát

Trưởng Ban Kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

Trưởng Ban Kiểm soát có quyền và nghĩa vụ sau:

1. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định nội bộ của Ban Kiểm soát; Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát;
2. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;

3. Thay mặt Ban Kiểm soát yêu cầu Hội đồng quản trị họp bất thường và triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường pháp luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

4. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát; Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

5. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn chung của Ban Kiểm soát;

6. Tham dự hoặc cử thành viên Ban Kiểm soát khác tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị nhưng không được biểu quyết; Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty nếu ý kiến của mình khác với quyết định của Hội đồng quản trị Công ty;

7. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;

8. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ công ty và của pháp luật.

Điều 9. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 11. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Ban Kiểm soát bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III **BAN KIỂM SOÁT**

Điều 13. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty; Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và cổ đông; Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
2. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
4. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
5. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
6. Giám sát tình hình tài chính của Công ty; Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần

thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

7. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

9. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

10. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

11. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

12. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

13. Các tài liệu và thông tin sau đây phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

14. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

15. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

16. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

b) Số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 16 Điều lệ công ty. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thể hiện bằng văn bản; trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp của Ban Kiểm soát, cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 16. Biên bản họp Ban Kiểm soát

Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát phải có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát.
2. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát.
3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
4. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty.
5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và các cổ đông.

Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương thù lao, thưởng và lợi ích theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát;
2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội bao gồm 7 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 4 năm 2021.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Trần Thị Tú Anh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ - HĐQT ngày tháng năm 2021
của Hội đồng quản trị Công ty)

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Quy định chung**

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội được xây dựng theo quy định của:

- a. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020.
- b. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019.
- c. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội.

2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và các cán bộ quản lý của Công ty.

3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị Công ty.

4: Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trừ trường hợp ngữ cảnh quy định khác đi, trong Quy Chế này, các từ viết tắt và các từ, ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Công ty*” là Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội có trụ sở tại Số 130, đường Lê Duẩn, Phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. “*Quản trị công ty*” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty.

3. “*Người liên quan*” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong khoản 46

Điều 4 của Luật Chứng Khoán.

4. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại Khoản 18, Điều 4 Luật Chứng khoán.

CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là:

a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của Công ty trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

b. Quyền được đối xử công bằng: Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

c. Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty.

d. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa.

đ. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Công ty.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cổ đông có quyền đề nghị hủy bỏ quyết định đó theo trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường tổn thất theo quy định pháp luật.

Điều 4. Trách nhiệm của cổ đông lớn

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.

2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Điều 5. Quy định chung về Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sắp xếp

chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lý, bố trí địa điểm và thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người ủy quyền tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có thể ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoặc các tổ chức lưu ký được cổ đông ủy quyền làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp tổ chức lưu ký được cổ đông ủy quyền làm đại diện, tổ chức lưu ký phải công khai nội dung được ủy quyền biểu quyết.

Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền của các cổ đông được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty.

Công ty không được hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi cổ đông có yêu cầu.

3. Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán có thể được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

4. Nhằm tăng cường hiệu quả của các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất.

5. Công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định trong Điều lệ công ty và pháp luật.

6. Các nguyên tắc, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 27 Điều lệ Công ty.

Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản, gồm:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b. Định hướng phát triển Công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- đ. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty.

7. Công ty phải xây dựng và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, gồm các nội dung chính sau:

- a. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- c. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
- d. Cách thức bỏ phiếu;
- e. Cách thức kiểm phiếu;
- f. Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- g. Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông;
- h. Cách thức yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- i. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ra công chúng;
- j. Các vấn đề khác (nếu có).

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty phải đảm bảo công bố thông tin và gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm lưu ký Chứng khoán thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày chốt danh sách.

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội, chương trình họp và các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định phù hợp với Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

2. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

a. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm nội dung chương trình họp, thời gian, địa điểm họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội. Thông báo này được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời gửi Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và đăng tin trên website của công ty.

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho cổ đông theo một trong các cách hoặc đồng thời các cách sau:

- Được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức đảm bảo tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin.

- Được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử của cổ đông trong trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó.

- Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo sẽ được gửi thông qua mạng thông tin nội bộ của Công ty. Các trưởng phòng ban/bộ phận có trách nhiệm nhận thông báo, in và gửi thông báo mời họp cho các cổ đông đó.

b. Thời gian gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và việc cung cấp các tài liệu liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ công ty.

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Việc đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông có thể thực hiện theo các cách sau: gọi điện thoại hoặc gửi thư đăng ký (theo mẫu của Công ty) bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện hoặc gửi qua fax hoặc gửi qua thư điện tử tới địa chỉ Công ty thông báo.

2: Hội đồng quản trị quyết định cách thức đăng ký tham dự cụ thể, đảm bảo thuận lợi nhất cho các cổ đông trong việc đăng ký tham dự và thông báo đến các cổ đông khi thông báo triệu tập họp.

3. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

4. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 9. Cách thức bỏ phiếu

1: Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Mỗi thẻ biểu quyết hoặc mỗi nội dung trong phiếu biểu quyết chỉ được thực hiện một trong ba nội dung sau: tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

2. Đối với các vấn đề bỏ phiếu kín (bầu cử): Khi tiến hành đăng ký cổ đông hoặc trước khi biểu quyết thông qua vấn đề, công ty sẽ cấp Phiếu bầu cử cho từng cổ đông hoặc đại diện được Ủy quyền có quyền biểu quyết, trên đó có ghi họ và tên

của cổ đông; số phiếu biểu quyết của cổ đông đó và nội dung bầu cử.

3. Thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử hợp lệ phải hội đủ các điều kiện sau:

- Theo mẫu quy định do Công ty phát cho Cổ đông khi đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.
- Được thực hiện theo đúng quy định về biểu quyết/bầu cử của Công ty và được Đại hội đồng cổ đông chấp nhận.

Điều 10. Cách thức kiểm phiếu

1. Đại hội sẽ bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu vào Ban kiểm phiếu và người chịu trách nhiệm giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá năm (05) người. Trường hợp cần thiết, Chủ tọa có thể huy động một số thành viên để hỗ trợ công tác thu thẻ biểu quyết của cổ đông.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Khi kết thúc biểu quyết tại Đại hội, Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm đếm tổng số cổ phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

3. Việc kiểm phiếu và giám sát kiểm phiếu phải được thực hiện độc lập và trung thực. Những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu và giám sát việc kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu.

4. Đối với các vấn đề bỏ phiếu kín (bầu cử): các cổ đông sẽ bỏ phiếu vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu. Việc kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu tiến hành tại một phòng riêng dưới sự giám sát. Trước khi mở hòm phiếu, Ban kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu không sử dụng đến. Ban kiểm phiếu không được gạch, xóa, sửa chữa trên phiếu biểu quyết.

5. Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

6. Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu và giám sát việc kiểm phiếu phải lập Biên bản kết quả kiểm phiếu. Biên bản phải ghi rõ:

- Tổng số phiếu phát ra, sở hữu/đại diện cho bao nhiêu cổ phần.
- Tổng số phiếu thu vào, sở hữu/đại diện cho bao nhiêu cổ phần.
- Số phiếu hợp lệ/không hợp lệ
- Kết quả biểu quyết đối với từng vấn đề phải ghi rõ: Tổng số phiếu biểu quyết theo phương án tán thành, sở hữu/đại diện cho bao nhiêu cổ phần, chiếm bao nhiêu phần trăm trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham dự đại hội;

Tổng số phiếu biểu quyết theo phương án không tán thành, sở hữu/đại diện cho bao nhiêu cổ phần, chiếm bao nhiêu phần trăm trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham dự đại hội; Tổng số phiếu biểu quyết theo phương án không có ý kiến, sở hữu/đại diện cho bao nhiêu cổ phần, chiếm bao nhiêu phần trăm trên tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham dự đại hội;

- Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của tất cả các thành viên tham gia kiểm phiếu và giám sát việc kiểm phiếu.

Điều 11. Thông báo kết quả kiểm phiếu.

1. Trường hợp biểu quyết công khai tại Đại hội: kết quả biểu quyết đối với từng vấn đề được biểu quyết được Ban kiểm phiếu chuyển đến Chủ tọa để công bố hoặc cử đại diện Ban kiểm phiếu công bố ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông tiến hành biểu quyết về vấn đề đó hoặc trước khi bế mạc Đại hội theo quyết định của Chủ tọa.

2. Trường hợp biểu quyết bằng bỏ phiếu kín: Chủ tọa công bố hoặc cử đại diện Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 12. Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được lập theo quy định tại Điều 28 Điều lệ của Công ty.

2. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được lưu trữ theo các quy định của Công ty. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của công ty hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 13. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ra công chúng.

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc Đại hội bằng một trong các cách thức: chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện hoặc gửi qua fax hoặc gửi qua thư điện tử tới địa chỉ đăng ký của cổ đông hoặc đăng trên website của công ty với điều kiện đảm bảo cổ đông có thể nhận được.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được công bố trên website của công ty đồng thời phải công bố thông tin thông qua Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban chứng khoán theo đúng quy định của luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 14. Cách thức yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Việc yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo

quy định tại Điều 29 Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 15. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội cổ đông

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau;

- Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính;
- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
- Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành;
- Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý khác;
- Các kế hoạch trong tương lai

Điều 16. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung như sau:

- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;
- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
- Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cổ đông.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 17. Tư cách và tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty. Ngoài ra, thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo:

1. Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu chấp hành pháp luật, Điều lệ và các Quy chế, quy định nội bộ của Công ty;
2. Có sức khỏe, trình độ và năng lực thực hiện nhiệm vụ;
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và của cổ đông.

Điều 18. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị,
-

Ban kiểm soát Công ty theo các quy định tại Khoản 4 Điều 16 Điều lệ Công ty.

2. Việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị phải được lập thành văn bản và gửi hồ sơ đến Công ty chậm nhất là ba (3) ngày trước ngày tổ chức Đại hội. Hồ sơ ứng viên phải được lập theo mẫu do Công ty quy định, bao gồm:

a) Đơn đề cử/ứng cử;

b) Thông tin của người ứng cử/đề cử, gồm:

Đơn xin đề cử (ứng cử) tham gia Hội đồng quản trị (theo mẫu).

Sơ yếu lý lịch (có dán ảnh).

Bản sao có công chứng CMND/Hộ chiếu, các văn bằng, chứng chỉ.

Các giấy tờ có liên quan khác (nếu có).

c) Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên Website của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;

- Trình độ học vấn;

- Trình độ chuyên môn;

- Quá trình công tác;

- Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

- Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

- Các lợi ích có liên quan đến Công ty (nếu có);

- Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

- Các thông tin khác (nếu có).

d) Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Cơ chế Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định.

Điều 19. Cách thức bầu và miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu

dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

2. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức lấy biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Các trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 31 Điều lệ công ty.

3. Công ty phải thực hiện việc công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 21. Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan;

3. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và Công ty;

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

5. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố cho Công ty các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty.

6. Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện

mua hay bán cổ phần của Công ty phải báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và thực hiện công bố thông tin về việc mua bán này theo quy định của pháp luật;

7. Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Tuy nhiên, bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Thông báo họp hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị theo các quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty.

2. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

Điều 23. Cách thức biểu quyết và thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị

1. Điều kiện để tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị thực hiện theo Khoản 7 Điều 36 của Điều lệ Công ty.

2. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

4. Khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

5. Thành viên hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội

dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

6. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

Điều 24. Hình thức tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này.

Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại hoặc hình thức khác được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

Điều 25. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội

đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

3. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết, rõ ràng. Nội dung của Biên bản họp Hội đồng quản trị phải tuân theo các quy định của Điều lệ Công ty. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 26. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị sẽ được thông báo trên Website của Công ty và công bố theo quy định về công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 27. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng.

1. Số lượng thành viên của tiểu ban có ít nhất ba (03) người trong đó thành viên Hội đồng quản trị không điều hành làm Trưởng tiểu ban. Các thành viên khác là các cán bộ thuộc các phòng chuyên môn nghiệp vụ.

2. Thành viên các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị phải là người có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp theo từng tiểu ban.

3. Trưởng tiểu ban có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng thành viên trong tiểu ban. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 28. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị có thể chỉ định một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động;

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Thư ký Công ty

1. Để hỗ trợ cho hoạt động Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Thư ký Công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

2. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp.

3. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Thư ký Công ty có trách nhiệm lưu trữ và quản lý các hồ sơ/tài liệu sau:

- a. Tài liệu của các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường;
- b. Hồ sơ của Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - Tài liệu họp Hội đồng quản trị
 - Các báo cáo của Hội đồng quản trị
- c. Các hồ sơ/tài liệu khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT

Điều 30. Ứng cử, đề cử kiểm soát viên

Việc ứng cử, đề cử kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty và Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

Cổ đông hoặc nhóm cổ sở hữu từ mười (10) phần trăm tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên có quyền đề cử người vào Ban Kiểm soát Công ty theo

quy định tại Điểm a, Điểm b, Khoản 4 Điều 16 Điều lệ Công ty.

Điều 31. Tiêu chuẩn của kiểm soát viên

Kiểm soát viên có các tiêu chuẩn theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 32. Cách thức bầu và miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Việc bầu Kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số Kiểm soát viên được bầu và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

2. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức lấy biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Các trường hợp Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Điều 174 Luật doanh nghiệp.

3. Công ty phải thực hiện việc công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG V. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỎ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 33. Cán bộ quản lý

Cán bộ quản lý là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty do Hội đồng quản trị phê chuẩn theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

1. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc:

a) Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty;

c) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty, thành viên Ban Kiểm soát Công ty và người quản lý của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

d) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế về quản lý tổ chức, cán bộ của Công ty.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Phó Tổng giám đốc

Có đủ đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp;

Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;

Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu chấp hành pháp luật, Điều lệ, các Quy chế và quy định nội bộ của Công ty;

Trung thành với lợi ích của Cổ đông và Công ty.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện lựa chọn Kế toán trưởng

Không thuộc đối tượng những người không được làm kế toán theo quy định của Luật Kế toán;

Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;

Có chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm công tác thực tế theo quy định chung của Pháp luật;

Trung thành với lợi ích của Cổ đông và Công ty.

Điều 35. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm cán bộ quản lý

1. Tùy từng thời điểm Hội đồng quản trị công ty sẽ tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và hệ thống quản lý của Công ty.

a. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong các thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

Hội đồng quản trị bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, người đại diện phần vốn góp của Công ty tại Công ty khác, Người phụ trách quản trị Công ty và các chức danh quản lý khác theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế về phân cấp quản lý về tổ chức của Công ty trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.

b. Cán bộ quản lý phải có sự miễn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản

trị quyết định. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của cán bộ quản lý cấp cao phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

Điều 36. Các trường hợp từ chức, miễn nhiệm của cán bộ quản lý

1. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm cán bộ quản lý trong các trường hợp sau:
 - a. Do yêu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
 - b. Do lý do cá nhân, sức khỏe không thể đảm bảo tiếp tục đảm nhiệm công việc;
 - c. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty, vi phạm pháp luật hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;
 - d. Không đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện làm việc của cán bộ quản lý;
 - e. Bị cách chức theo quyết định của Hội đồng quản trị;
 - f. Các trường hợp khác phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Khi bị miễn nhiệm, cán bộ quản lý có trách nhiệm bàn giao công việc của mình cho người được thay thế theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong thời gian chưa có quyết định của Hội đồng quản trị thì cán bộ quản lý đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.
3. Việc miễn nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng lao động của những người bị miễn nhiệm (nếu có).

Điều 37. Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm của cán bộ quản lý

Công ty có trách nhiệm công bố về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý trong nội bộ Công ty, thông báo cho cơ quan liên quan, thực hiện công bố thông tin trên Website của Công ty và công bố theo trình tự và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Điều 38. Cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

1. Hội đồng quản trị có thể mời Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có thể mời thêm thành viên Ban Tổng giám đốc tham dự một số cuộc họp Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát và thành viên Ban Tổng giám đốc có thể thảo luận trong cuộc họp nhưng không tham gia biểu quyết. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp này cho trưởng Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc trong thời hạn năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.
2. Tại các phiên họp có nội dung quan trọng, Trưởng Ban kiểm soát có thể

mời một số thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Tổng giám đốc tham gia cuộc họp của Ban Kiểm soát để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung cần thiết và phải được chuyển đến người được mời ít nhất ba (03) ngày trước khi cuộc họp diễn ra. Trưởng Ban kiểm soát sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

3: Tại các phiên họp có nội dung quan trọng, Tổng Giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng ban kiểm soát tham gia cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung cần thiết và phải được chuyển đến người được mời ít nhất ba (03) ngày trước khi cuộc họp diễn ra. Tổng giám đốc điều hành sẽ có văn bản báo cáo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Trưởng ban kiểm soát trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Điều 39. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành

Bản sao các văn bản nghị quyết của Hội đồng quản trị sẽ được chuyển đến cho Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành trong thời hạn năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Điều 40. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề xin ý kiến Hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi nhận được đề nghị bằng văn bản của Tổng Giám đốc hoặc Ban kiểm soát trong các trường hợp sau đây:

a. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng trách nhiệm và nghĩa vụ của người quản trị điều hành;

b. Có vấn đề quan trọng liên quan đến lợi ích của Công ty và cổ đông mà cần thiết phải tổ chức ngay cuộc họp Hội đồng quản trị để giải quyết.

Điều 41. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Việc báo cáo phải được thực hiện định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của Hội đồng quản trị.

Điều 42. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc

Theo định kỳ (quý, 6 tháng, năm) Ban Tổng giám đốc phải tổ chức họp để kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị với Ban Tổng giám đốc.

Biên bản họp phải được lưu trữ, làm cơ sở trích dẫn, đưa thông tin vào các báo cáo của Ban Tổng giám đốc.

Điều 43. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức Thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Yêu cầu phải được làm bằng văn bản có chữ ký của Trưởng Ban kiểm soát.

2. Tổng giám đốc phải cung cấp văn bản các báo cáo, thông tin sau cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

a. Kết quả thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua (theo định kỳ hàng tháng, 6 tháng, năm và khi yêu cầu);

b. Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của Công ty (theo định kỳ hàng quý, 06 tháng và năm và khi yêu cầu);

c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện tốt các hoạt động quản lý và tham mưu để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

d. Trình Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Vào quý IV hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm

những thông tin quy định tại các Quy chế của Công ty.

3. Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền phải báo cáo và cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong thời hạn một (01) giờ, kể từ khi Công ty xảy ra một trong các sự kiện sau:

- a. Tài khoản bị phong tỏa hoặc tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;
- b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- c. Có quyết định khởi tố đối với các cán bộ quản lý; Có bản án, quyết định của tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Có quyết định của cơ quan thuế về việc vi phạm pháp luật thuế.

4. Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền phải báo cáo kịp thời với Hội đồng quản trị công ty khi Công ty hoạt động thua lỗ, không đảm bảo khả năng thanh toán.

Các báo cáo, tài liệu kèm theo phải được lập bằng văn bản gửi cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trong trường hợp cấp bách, có thể sử dụng hình thức điện thoại, fax, email, bút phê và các phương tiện khác trong việc gửi và xử lý báo cáo, xin ý kiến để kịp thời giải quyết công việc.

Điều 44. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng giám đốc

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và thành viên Ban Tổng giám đốc sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế làm việc và kế hoạch hành động chung.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát sẽ không can thiệp vào công việc điều hành theo hệ thống chức năng nhiệm vụ khác nhau của mỗi tổ chức.

3. Trường hợp khẩn cấp, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại, email hoặc phương tiện thông tin liên lạc khác) cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng ban Kiểm soát hoặc Tổng giám đốc hoặc cả ba người để được giải quyết kịp thời, hiệu quả.

4. Hội đồng quản trị tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát trong và ngoài nước nhằm trau dồi trình độ chuyên môn, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành. Việc tham gia các khóa đào tạo,

hội thảo nói trên không được ảnh hưởng đến công việc chung của Công ty.

CHƯƠNG VII. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 45. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 46. Thực hiện quyền của người đại diện theo pháp luật của Công ty:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện quyền của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi thẩm quyền của mình như sau:

1. Đại diện cho Công ty ký kết hồ sơ, giấy tờ, tài liệu của Công ty;
2. Đại diện cho Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch của Công ty;
3. Đại diện cho Công ty trong các giao dịch với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các tổ chức, cá nhân khác để giải quyết các công việc của Công ty;
4. Đại diện cho Công ty để phát ngôn và công bố thông tin về các vấn đề thuộc thẩm quyền;
5. Đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại các cơ quan tố tụng và trọng tài.

CHƯƠNG VIII. ĐÁNH GIÁ, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 47. Đánh giá hoạt động đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác

1. Hàng năm căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác; Ban kiểm soát tổ chức đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên.

2. Quá trình đánh giá phải khách quan và trung thực trong quá trình đánh giá, bằng chứng của kết quả đánh giá phải được chuyển đến các thành viên liên quan.

3. Tiêu chí đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

- a. Số lần tham dự các kỳ họp chính thức và bất thường.
- b. Mức độ hoàn thành công tác được giao theo phân công;
- c. Số lần vi phạm kỷ luật trong thời gian thực hiện đánh giá.

4. Tiêu chí đánh giá hoạt động của Tổng giám đốc bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

- a. Khả năng điều hành, quản trị;
- b. Hiệu quả kinh doanh;
- c. Thái độ của cán bộ quản lý;

d. Số lần vi phạm kỷ luật.

5. Tổng giám đốc chủ trì công tác đánh giá các cán bộ quản lý từ Phó tổng giám đốc; Trưởng, phó phòng ban và cán bộ quản lý khác trên cơ sở quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm từng bộ phận và của toàn Công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ:

- a. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
- b. Hoàn thành nhiệm vụ;
- c. Không hoàn thành nhiệm vụ.

6. Việc đánh giá hoạt động có thể được tiến hành theo một trong các phương thức sau:

- a. Tự nhận xét, đánh giá;
- b. Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
- c. Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn tùy từng thời điểm.

Điều 48. Khen thưởng

1. Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định khen thưởng, xử lý vi phạm đối với các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Tổng giám đốc có thẩm quyền quyết định khen thưởng, xử lý vi phạm đối với cán bộ đảm nhiệm các chức danh quản lý do Tổng giám đốc bổ nhiệm.

3. Hàng năm căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Tổng giám đốc tổng hợp, trình Hội đồng quản trị đề xuất khen thưởng đối với cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

4. Hình thức khen thưởng:

- a. Bằng khen;
- b. Bằng tiền;
- c. Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn của cán bộ công nhân viên;
- d. Hình thức khác.

Nguồn khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng công ty và nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động từng năm để xây dựng mức khen thưởng hợp lý.

Điều 49. Xử lý vi phạm

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ kỷ luật, hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cần trọng, mẫn cán

và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

2. Một số vi phạm kỷ luật chủ yếu:

- a. Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ, trách nhiệm của mình;
- b. Lạm dụng quyền hành, chức năng ra quyết định vượt quá thẩm quyền gây thiệt hại cho Công ty;
- c. Có hành vi trục lợi cá nhân trong quá trình hoạt động và thực hiện những công tác được phân công;
- d. Vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo yêu cầu luật định và quy chế công bố thông tin;
- e. Các trường hợp khác theo quy định.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm.

4. Các hình thức xử lý vi phạm:

- a. Xử lý kỷ luật lao động;
- b. Bãi nhiệm, miễn nhiệm;
- c. Truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật;
- d. Hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Ngoài việc áp dụng hình thức xử lý kỷ luật, các cá nhân vi phạm phải hoàn trả lại khoản lợi ích mà bản thân họ hưởng lợi từ hành vi vượt quá thẩm quyền, hành vi trục lợi cá nhân, hoặc phải bồi thường khoản thiệt hại gây ra cho Công ty do hành vi vi phạm pháp luật hoặc vượt quá thẩm quyền mà cá nhân đó đã thực hiện.

CHƯƠNG IX. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng gây ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 51. Công bố thông tin về quản trị công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các nội dung công bố tối thiểu như sau:

- a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- b. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- c. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành;
- d. Thù lao và chi phí của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc;
- e. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, ban Tổng giám đốc, cổ đông lớn và các giao dịch khác của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của các đối tượng trên;
- f. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đã tham gia đào tạo về quản trị công ty.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 52. Tổ chức công bố thông tin

Công ty tổ chức công bố thông tin có trách nhiệm:

- a. Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn;
- b. Bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin và công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;

Điều 53. Cán bộ chuyên trách về công bố thông tin

1. Cán bộ chuyên trách về công bố thông tin là nhân sự của bộ phận văn phòng của Công ty do Chánh Văn phòng đề nghị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm làm người chịu trách nhiệm công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

2. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- a. Có kiến thức về kế toán tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
- b. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

3. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin thực hiện các nhiệm vụ sau:

- a. Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của Công ty với công chúng

đầu tư theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Công ty.

b. Lưu trữ và quản lý các thông tin được công bố.

c. Là đầu mối liên hệ, giao dịch với các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền liên quan đến việc công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán.

4. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật. Hội đồng quản trị có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cho một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện trách nhiệm giám sát việc công bố thông tin của cán bộ chuyên trách công bố thông tin.

CHƯƠNG X. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 54. Chế độ giám sát

Công ty, các cá nhân, tổ chức có liên quan và các cổ đông Công ty phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định pháp luật.

Điều 55. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm 10 chương 55 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội nhất trí thông qua ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, các cán bộ quản lý, các cổ đông của Công ty có trách nhiệm tuân thủ Quy chế.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông công ty trị xem xét và quyết định.

Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến quản trị Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng đối với quản trị nội bộ của Công ty./.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đỗ Văn Hoan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ KIỂM SOÁT VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI

**Kính gửi: Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên
2021 Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội**

Chúng tôi là nhóm cổ đông nắm giữ/tự nguyện tập hợp thành nhóm cổ đông nắm giữ: cổ phần (*Bằng chữ*: _____ *cổ phần*), tương đương với _____ % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội, bao gồm:

Stt	Tên cổ đông	Số ĐKDN/CMND, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ
1.	Tổ chức: ...			
	<i>Người đại diện:</i>			
	- Ông/Bà:			
	- Ông/Bà:			
	- Ông/Bà:			
2.	Cá nhân: ...			
3.	...			

Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành và Thông báo về tiêu chuẩn đề cử, ứng cử thành viên Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2021 - 2026, xin đề cử (các) Ông/Bà có tên sau đây:

- Ông/Bà:
Ngày tháng năm sinh:
CMND/Hộ chiếu số: ngày cấp: nơi cấp:
Địa chỉ:
- Ông/Bà:
Ngày tháng năm sinh:

CMND/Hộ chiếu số: ngày cấp: nơi cấp.....

Địa chỉ:

3. Ông/Bà:

Ngày tháng năm sinh:

CMND/Hộ chiếu số: ngày cấp: nơi cấp.....

Địa chỉ:

Tham gia vào Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội nhiệm kỳ 2021 - 2026 tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội ngày 15 tháng 4 năm 2021.

Các hồ sơ đính kèm bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch của người được đề cử;

- Bản sao CMND, bằng cấp có công chứng của người được đề cử.

Trân trọng!

....., ngày tháng năm 2021

XÁC NHẬN CỦA NHÓM CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ

TT	Tên cổ đông/người đại diện	Ký xác nhận và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**

**Kính gửi: Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021
Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội**

Chúng tôi là nhóm cổ đông nắm giữ/tự nguyện tập hợp thành nhóm cổ đông nắm giữ:
_____ cổ phần (Bằng chữ: _____
_____ cổ phần), tương đương với _____ % tổng số cổ phần có
quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội, bao gồm:

Stt	Tên cổ đông	Số ĐKDN/CMND, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ
1.	Tổ chức: ...			
	Người đại diện:			
	- Ông/Bà:			
	- Ông/Bà:			
	- Ông/Bà:			
2.	Cá nhân: ...			
3.	...			

***Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành và Thông báo về tiêu chuẩn đề cử,
ứng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2026, xin đề cử (các) Ông/Bà
có tên sau đây:***

- Ông/Bà:
Ngày tháng năm sinh:
CMND/Hộ chiếu số: ngày cấp: nơi cấp
Địa chỉ:

2. Ông/Bà:
 Ngày tháng năm sinh:
 CMND/Hộ chiếu số: ngày cấp: nơi cấp
 Địa chỉ:
3. Ông/Bà:
 Ngày tháng năm sinh:
 CMND/Hộ chiếu số: ngày cấp: nơi cấp
 Địa chỉ:

Tham gia vào Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội nhiệm kỳ 2021-2026 tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội ngày 15 tháng 4 năm 2021.

Các hồ sơ đính kèm bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch của người được đề cử;
- Bản sao CMND, bằng cấp có công chứng của người được đề cử.

Trân trọng!

....., ngày tháng năm 2021

XÁC NHẬN CỦA NHÓM CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ

TT	Tên cổ đông/người đại diện	Ký xác nhận và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2021

THƯ XÁC NHẬN THAM DỰ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI

Kính gửi: Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Hà Nội

Cổ đông: _____

Số CMND/ĐKDN _____ Ngày cấp _____ Nơi cấp _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Số cổ phần hiện đang nắm giữ: _____

Xin xác nhận tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội vào ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Xin trân trọng cảm ơn !

CỔ ĐÔNG
(Ký xác nhận và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 2021

GIẤY ỦY QUYỀN

*(Về việc tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2021
của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội)*

Kính gửi: Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội

1. Bên ủy quyền:

Tên cá nhân/tổ chức:

CMND/Hộ chiếu/GPĐKKD số: cấp ngày..... tại.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:

Số cổ phần sở hữu:cổ phần

(Bằng chữ:))

2. Bên nhận ủy quyền:

Tên cá nhân:

CMND/ Hộ chiếu số: cấp ngày..... tại.....

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số cổ phần được ủy quyền:cổ phần

(Bằng chữ:))

3. Nội dung ủy quyền:

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội./.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

Ghi chú: Mỗi cổ đông chỉ được ủy quyền 01 lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác. Nếu bên ủy quyền là tổ chức thì cần có thêm chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức và đóng dấu của tổ chức.